

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT

TECHCOMSECURITIES

Bespoke



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022**



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ TCBS	04
1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2. Lịch sử phát triển TCBS	
3. Tầm nhìn - Sứ mệnh	
4. Giải thưởng và thành tựu	
5. Mạng kinh doanh và sản phẩm tiêu biểu	
6. Bộ máy tổ chức	
7. Đội ngũ Ban lãnh đạo	
CHƯƠNG II: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022	30
1. Tình hình tài chính	
2. Tổ chức nhân sự	
3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	
4. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	
6. Quản trị công ty	
CHƯƠNG III: KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ VỚI CHIẾN LƯỢC WEALTHTECH	49
1. Chỉ số an toàn bảo mật thông tin đạt loại A	
2. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn trực tuyến kiến thức đầu tư và quản lý gia sản cho khách hàng	
3. Hành trình tiên phong chuyển đổi Agile	
4. Chiến lược làm chủ công nghệ	
A. Tiên phong ứng dụng công nghệ Blockchain vào quản lý trái phiếu doanh nghiệp	
B. Xây dựng và làm chủ hệ thống ký quỹ MarginX	
CHƯƠNG IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022	64



1 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông và Khách hàng,

Năm 2022 là khởi đầu của giai đoạn “bình thường mới” sau đại dịch Covid. Có thể thấy, hành vi khách hàng đã thay đổi đáng kể trong những năm qua bằng cách làm quen dần với các hình thức mua sắm trực tuyến.

Là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tập trung theo đuổi chiến lược công nghệ tài chính (Wealthtech), TCBS tự hào lựa chọn công nghệ làm lợi thế cạnh tranh cốt lõi và đem đến cho khách hàng cơ hội trải nghiệm số mới và tiếp cận nhiều nền tảng công nghệ tiên phong theo xu thế của thế giới. TCBS đặt nhiệm vụ đầu tư cho công nghệ lên làm ưu tiên hàng đầu trong nhiều năm qua và chúng tôi đã khẳng định được vị thế là định chế tài chính với một hệ sinh thái dịch vụ Tài chính, Đầu tư và Chứng khoán toàn diện, uy tín.

Văn hóa số và mô hình Agile được kiến tạo trong tư duy làm việc của toàn thể đội ngũ TCBS. Với hơn 65% nhân sự thuộc mảng công nghệ, TCBS đã đáp ứng đa dạng sản phẩm đầu tư theo nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau, từ nhu cầu giao dịch đầu tư chứng khoán, quản lý gia sản và tích lũy dài lâu cho khách hàng cá nhân đến tư vấn dịch vụ tài chính cho khách hàng doanh nghiệp.

Theo đuổi chiến lược Wealthtech, TCBS không ngừng cải tiến hệ thống công nghệ để đáp ứng linh hoạt nhu cầu đầu tư của khách hàng. Năm 2022, TCBS được vinh danh liên tiếp tại hạng mục giải thưởng công nghệ của các tổ chức quốc tế như:

- ▶ Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất tại Finance Asia Country Awards 2022
- ▶ Công nghệ xuất sắc Việt Nam về dữ liệu lớn

tại Asian Technology Excellence Awards 2022

- ▶ Ứng dụng Blockchain sáng tạo nhất và Quản lý tài sản tốt nhất trong ngân hàng đầu tư tại IBS Intelligence Global FinTech Innovation Awards 2022.

Với mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu ở các mảng kinh doanh cốt lõi và tận dụng tối đa nguồn vốn dồi dào để mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng và cổ đông, năm 2022, TCBS đã công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ trị giá hơn 10.000 tỷ đồng theo đúng lộ trình chiến lược 5 năm 2021-2025. Sau kế hoạch này, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của TCBS dự kiến sẽ vượt trên 21.000 tỷ đồng, và thuộc những công ty có vốn chủ sở hữu cao nhất ngành. Việc tăng vốn, dự kiến trong quý II/2023, là một trong những bước đi chiến lược nhằm đưa TCBS trở thành công ty công nghệ quản lý gia sản (Wealthtech) có quy mô lớn nhất Việt Nam về vốn chủ sở hữu, về lợi nhuận, và hiệu quả hoạt động trong các mảng kinh doanh cốt lõi.

Hiện nay, TCBS luôn đứng trong top đầu các công ty chứng khoán có hệ số an toàn vốn cao và thường lớn hơn quy định 220%. Sau kế hoạch tăng vốn này, CAR dự phóng của TCBS sẽ vượt trên 300%. Hạn mức cho vay ký quỹ của TCBS sẽ lên trên 40.000 tỷ đồng.

Song song với kế hoạch tăng vốn cổ phần, TCBS cũng đã chủ động đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn vốn vay tín chấp từ các định chế nước ngoài. Chỉ trong một năm qua, TCBS đã nâng tổng giá trị huy động từ thị trường vốn quốc tế lên hơn 300 triệu USD, đạt mức cao nhất ngành chứng khoán. Hiện TCBS đang là công ty chứng khoán có định mức tín nhiệm lớn nhất dựa trên giá trị những khoản vay tín chấp quốc tế tiếp cận được.

Uy tín và định mức tín nhiệm tín dụng của một doanh nghiệp là điều kiện đầu tiên để các định chế tài chính quốc tế cân nhắc

đến khoản vay. Việc TCBS liên tiếp huy động thành công nhiều hợp đồng vay vốn tín chấp với lãi suất thấp từ các tổ chức tài chính lớn đã khẳng định năng lực và uy tín của TCBS trên thị trường quốc tế.

Hướng đến năm giao dịch mới 2023, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, TCBS sẽ miễn phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền và chứng chỉ quỹ niêm yết cho khách hàng giao dịch trên TCInvest. Bên cạnh đó, TCBS sẽ tận dụng nguồn vốn dồi dào để đem đến cho Nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi và lợi ích vượt trội như linh hoạt lựa chọn các gói vay margin với lãi suất chỉ từ 0,5%/năm hay tối ưu nguồn tiền nhàn rỗi đang chờ đầu tư, lợi tức theo ngày tới 7,5%/năm...

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn tập thể Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên của TCBS đã nỗ lực, tâm huyết, đoàn kết chung sức xây dựng TCBS trong suốt 14 năm phát triển. 2023 sẽ là năm để TCBS tiếp tục vươn xa, hướng đến mục tiêu trở thành Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam với 5@5@5@5=2025 (5 triệu người dùng @ 5 giải pháp mỗi người dùng @ 5000 tỷ đồng lợi nhuận @ 5 tỷ đô-la vốn hoá). Hãy luôn giữ vững thái độ tích cực dù có gặp bất cứ điều gì xảy ra. Hãy cùng nhau tìm ra hướng đi bất phá và đón nhận những thách thức mới bằng một năng lượng tích cực.

Trân trọng./.

Nguyễn Xuân Minh, CFA

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



2 LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (Techcom Securities - TCBS) được thành lập từ năm 2008, là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam Techcombank. Trải qua 15 năm phát triển với sứ mệnh trở thành đối tác tư vấn tài chính chiến lược tin cậy của khách hàng doanh nghiệp và kiến tạo trải nghiệm đầu tư tích lũy ưu việt cho gia đình Việt Nam. Từ một đội ngũ chỉ hơn 30 người, hiện nay, nhân sự tại IB đã vượt 500 nhân viên. Trong đó, số lượng nhân sự Công nghệ thông tin trình độ cao và giàu kinh nghiệm chiếm tới hơn 65% toàn công ty.

Qua từng giai đoạn phát triển, TCBS đã chứng kiến nhiều thăng trầm trên thị trường. Dưới sự dẫn dắt hiệu quả của Ban Lãnh Đạo, **kể từ cuối năm 2013**, TCBS chuyển mình mạnh mẽ với định hướng và chiến lược kinh doanh sắc bén. Với tư duy sáng tạo và mong muốn tạo sự khác biệt trong thị trường chứng khoán, TCBS

đã chọn hướng đi riêng của mình qua việc tạo lập và phát triển một thị trường mới, đó là thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam

Với tinh thần khởi nghiệp luôn sẵn sàng thử sức và khai phá lĩnh vực mới để thành công hơn, kể từ năm 2013, TCBS chuyển mình bước vào thị trường riêng biệt, lựa chọn TPDN là xương sống cho chiến lược kinh doanh, TCBS đã tạo dựng thành công hệ sinh thái TPDN chuyên nghiệp phục vụ khách hàng. Chỉ trong vài năm, TCBS đã trở thành 1 trong 2 công ty chứng khoán lớn nhất thị trường về cả doanh thu lẫn lợi nhuận. Đồng thời, TCBS đã xác lập vị thế Top 1 thị phần tư vấn bảo lãnh phát hành TPDN, đạt mức duy trì luôn ở 40% thị phần.

Dẫn đầu ở mảng tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho khách hàng tổ chức, TCBS tiếp tục phát triển sản phẩm đầu tư bán lẻ hấp dẫn và cạnh tranh, chính lúc này, sản phẩm trái phiếu iBond đã được ra mắt trên thị trường nhằm phục vụ khách

hàng cá nhân. Nhận thấy nhu cầu khách hàng bắt đầu quan tâm đến kênh đầu tư trái phiếu doanh nghiệp nhưng còn khá e dè và thận trọng, sản phẩm iBond của TCBS được thiết kế nhằm đáp ứng đủ 3 yếu tố mà 1 nhà đầu tư quan tâm: Tính minh bạch, An Toàn Và Thanh khoản linh hoạt

Nhờ những yếu tố cam kết an toàn cho NĐT, **kể từ năm 2016 cho đến nay**, chưa khi nào thị phần giao dịch TP của TCBS rời khỏi vị trí dẫn đầu Top 1 trên Sở GDCK HCM Hose.

Để giữ chắc vị thế ở thị trường TPDN, TCBS bước vào thời kỳ tăng tốc mạnh mẽ với nhiều cú hích đột phá trên thị trường trong giai đoạn 5 năm từ 2016 - 2020. Xuyên suốt thời gian này, TCBS tiên phong thị trường theo đuổi chiến lược công nghệ tài chính Fintech, mở đầu cho hành trình chuyển đổi số với mục tiêu đến năm 2020 đạt 1@1@1@ = số 1 tại Việt Nam - 100.000 KH giàu có - 100 triệu đô doanh thu - 1 tỷ đô giá trị vốn hóa thị trường.

TCBS xây dựng chiến lược mới trong giai

đoạn 5 năm này nhằm:

- ▶ Chuyển đổi mô hình hoạt động để tăng hiệu quả kinh doanh
- ▶ Xây dựng nền tảng mở để phục vụ lượng lớn NĐT và trở thành trung tâm cung cấp bộ sản phẩm đầu tư đa dạng và toàn diện nhất thị trường
- ▶ Và ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến trải nghiệm khách hàng

Chính trong giai đoạn tập trung phát triển công nghệ này, TCBS tự hào là công ty chứng khoán duy nhất liên tục cho ra mắt các sản phẩm và giải pháp tài chính tiên phong thị trường.

▶ **Năm 2017**, TCBS ra mắt sản phẩm giao dịch mới - tài khoản đầu tư iWealth Pro

▶ **Năm 2018**, TCBS là đơn vị đầu tiên mang giải pháp cố vấn tài chính tự động Robo Advisor đến thị trường Việt Nam với công cụ TCWealth cùng nhiều công cụ tài chính hiện đại như cổng thông tin TCAnalysis, Market Watch và hệ thống báo cáo toàn

diện 1-click. Đặc biệt kể từ năm 2018, một trong những điểm đột phá và là niềm tự hào của TCBS chính là đội ngũ nhân sự với tư duy và văn hóa làm việc Agile.

► **Năm 2019**, TCBS nâng cấp TCInvest lên phiên bản mới trên đủ 3 nền tảng Web, Mobile Web và App. Đồng thời tích hợp bổ sung hệ thống iConnect cho phép khách hàng sử dụng điện thoại di động để thực hiện các lệnh rao mua bán trái phiếu. Trải nghiệm khách hàng được đổi mới liên tục với bộ sản phẩm đầu tư đa dạng gồm trái phiếu, chứng chỉ quỹ và cổ phiếu, công cụ BondWatch theo dõi các trái phiếu chào bán bởi TCBS, các sản phẩm theo nhu cầu đầu tư iPlan, hệ thống bỏ phiếu điện tử eVoting, hệ thống tích điểm và thưởng iXu tri ân khách hàng thân thiết và hệ thống quản lý mạng lưới đối tác phát triển kinh doanh iWealth Partner

► **Năm 2020**, TCBS cung cấp miễn phí hệ thống đào tạo trực tuyến e-Learning lan tỏa đến nhà đầu tư Việt Nam, trở thành CTKK đầu tiên trên thị trường ra mắt dịch vụ mở tài khoản 100% online với phương thức định danh khách hàng eKYC. Để đảm bảo khách hàng được hỗ trợ kịp thời, TCBS sử dụng công cụ iWealth Chatbot kết hợp trí tuệ nhân tạo AI để thay thế nhân viên tư vấn giải đáp thắc mắc của khách hàng kịp thời. Câu lạc bộ đầu tư và quản lý gia sản iWealth Club của TCBS cũng chính thức ra mắt, trở thành sân chơi chung cho nhà đầu tư Việt Nam.

Nhờ liên tục đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, TCBS đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch 5 năm. Lượng khách hàng tăng gấp 200 lần trong 5 năm. Số lượng khách hàng mở mới tài khoản trên hệ thống TCInvest tăng gấp 10 lần/ngày, và lượng KH giao dịch trên hệ thống cũng tăng gấp 17 lần, từ 600-10.000 khách hàng mỗi ngày năm 2020

Sau khi giữ vững vị trí dẫn đầu mảng trái phiếu, TCBS tự hào định vị được bản thân trên thị trường. **Năm 2021**, TCBS bước vào sân chơi cổ phiếu, mở ra giai đoạn 5 năm phát triển mới 2021 - 2025 - tập trung hoàn thiện hệ sinh thái công nghệ tài chính Wealthtech.

Bất chấp ảnh hưởng của dịch bệnh, TCBS vẫn liên tục gây choáng ngợp cho cộng đồng đầu tư với 1 chuỗi các sản phẩm và tính năng đi đầu thị trường trong năm 2021 như:

- Ra mắt iCopy - nền tảng đầu tư cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam
- Ra mắt dịch vụ mở tài khoản số và chữ đẹp tiên phong thị trường
- Ra mắt dịch vụ giao dịch phái sinh iFuture với nhiều tính năng tự động, tức thời chỉ với 1-chạm
- Cổng kết nối trực tuyến B2B đầu tiên tại Việt Nam TCCorp

Năm 2021, không chỉ dừng ở mảng trái phiếu, cả 3 sản phẩm đầu tư chính của TCBS đều vào top thị trường gồm Top 1 thị phần môi giới trái phiếu & Top 6 thị phần môi giới cổ phiếu trên SGDCK TPHCM.

Bước sang năm 2022, TCBS theo đuổi xu thế chung của các công ty tài chính công nghệ trên thế giới với mục tiêu tập trung phát triển hạ tầng công nghệ nhằm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong quá trình giao dịch.

Với chiến lược Wealthtech, TCBS đã đạt được nhiều thành tích, đặc biệt là mảng công nghệ và được các tổ chức quốc tế vinh danh hạng mục công nghệ và bảo mật thông tin như:

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất tại Finance Asia Country Awards 2022
- Công nghệ xuất sắc tại Việt Nam về dữ liệu lớn tại Asian Technology Excellent Awards 2022

► Ứng dụng Blockchain sáng tạo nhất tại IBS Intelligent Global Fintech Innovation Awards 2022.

► Quản lý tài sản tốt nhất trong ngân hàng đầu tư tại IBS Intelligent Global Fintech Innovation Awards 2022.

► Và xếp hạng A với số điểm đạt 884/950 về chỉ số bảo mật an toàn thông tin bởi Up-Guard.

Đồng thời, TCBS tiếp tục giữ vị thế ở mảng trái phiếu với 2 giải thưởng quốc tế là Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam và Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam tại The Asset Country Awards 2022.

Bên cạnh việc cung cấp những trải nghiệm mới cho Nhà đầu tư, TCBS tiếp tục mang đến đa dạng các sản phẩm và chính sách ưu đãi nhằm tối ưu hiệu quả đầu tư cho khách hàng như giúp khách hàng quản lý gia sản và tối ưu lợi nhuận nguồn tiền nhàn rỗi với Kết vàng iSave. Khoản tiền chờ đầu tư của khách hàng sẽ linh hoạt sinh lời theo ngày, kể cả vào những ngày lễ hoặc cuối tuần khi được để trong kết vàng iSave. Khách hàng có thể nộp tiền vào hoặc rút ra 24/7, nhận tiền tức thời khi cần với mức lợi tức theo ngày tới 7%/năm. Tiền chờ để trong

kết iSave được linh động tính vào sức mua của khách hàng trong trường hợp cần giao dịch đầu tư cổ phiếu ngay trong phiên.

Để giúp nhà đầu tư cập nhật trực tiếp xu hướng và kiến thức đầu tư hữu ích, TCBS đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý gia sản cho khách hàng của mình, được trực tiếp phát sóng trên kênh Youtube của TCBS với đa dạng các series đầu tư "nóng" như Vén màn chiến lược giao dịch, Tính năng hữu ích trên nền tảng TCInvest và Cẩm nang đầu tư trái phiếu TCBS.

Bên cạnh đó, nhà đầu tư còn được cập nhật tức thời đa dạng các báo cáo, thông tin phân tích đầu tư trực tiếp trên ứng dụng TCInvest hàng ngày như khuyến nghị đầu tư, phân tích thị trường theo ngày, báo cáo thị trường phái sinh, thị trường chứng quyền và báo cáo phân tích các kênh đầu tư.

Năm 2022, tổng cộng TCBS đã gửi đến khách hàng:

- Hơn 400 báo cáo và phân tích tư vấn chuyên sâu về đầu tư
- Hơn 100 clip cẩm nang đầu tư về các sản phẩm tài chính
- 125 bí kíp đầu tư hiệu quả trên TCInvest.



3 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH



TẦM NHÌN

- Mục tiêu đến 2025 trở thành Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam với: 5@5@5@5=2025
- 5 triệu người dùng @ 5 giải pháp mỗi người dùng @ 5000 tỷ đồng lợi nhuận @ 5 tỷ đô-la vốn hoá

SỨ MỆNH

- Là đối tác tư vấn tài chính chiến lược tin cậy của khách hàng doanh nghiệp.
- Kiến tạo một trải nghiệm đầu tư tích lũy ưu việt cho mỗi gia đình Việt Nam.



4 GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU



IBSi Global FinTech Innovation Awards

- ▶ Ngân hàng đầu tư sở hữu nền tảng quản lý tài sản tốt nhất
- ▶ Ngân hàng đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại nhất vào quản lý tài sản
- ▶ Ứng dụng Blockchain sáng tạo nhất trong ngân hàng đầu tư theo mô hình Agile
- ▶ Ứng dụng Blockchain sáng tạo trong ngân hàng đầu tư với dự án có tầm ảnh hưởng nhất



Asian Technology Excellence Awards 2022

Ứng dụng Big Data trong Ngân hàng



FinanceAsia Country Awards 2022

Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất



Forbes

Giá trị thương hiệu số 1 Trong số các công ty chứng khoán tại Việt nam



5 MẢNG KINH DOANH VÀ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM CHÍNH



iBond – Trái phiếu doanh nghiệp

iBond là sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp được thiết kế dành riêng cho khách hàng cá nhân với mức đầu tư ban đầu chỉ từ 01 triệu đồng. iBond là sự kết hợp hoàn hảo giữa an toàn, lợi tức tốt và thanh khoản cao cho khách hàng.

Do được lựa chọn từ những doanh nghiệp uy tín hàng đầu mà TCBS trực tiếp tư vấn phát hành, iBond là sản phẩm đầu tư an toàn, được xây dựng với nhiều giải pháp thanh khoản linh hoạt cùng lợi nhuận hấp dẫn.



Quỹ mở đầu tư iFund

iFund bao gồm 6 quỹ mở do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (Techcom Capital – TCC) quản lý.

- ▶ Quỹ trái phiếu Techcom (TCBF)
- ▶ Quỹ cổ phiếu Techcom Top 30 (TCEF)
- ▶ Quỹ đầu tư trái phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)
- ▶ Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN)
- ▶ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom (TCRES)
- ▶ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom (TCSME)

Tùy mục tiêu và mong muốn đầu tư, khách hàng có thể lựa chọn tham gia các Quỹ này với số tiền đầu tư chỉ từ 1 triệu đồng. Tham gia đầu tư vào iFund, khách hàng đã lựa chọn một hình thức đầu tư an toàn, thanh khoản linh hoạt cùng thủ tục thuận tiện, dễ dàng với lệnh định kỳ tự động.



Quỹ trái phiếu Techcom (TCBF)

Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, tiết kiệm để tạo nguồn thu nhập ổn định dài hạn với lợi nhuận kỳ vọng đến 10%/năm. TCBF có mức độ rủi ro Trung bình.



Quỹ cổ phiếu Techcom Top 30 (TCEF)

Top 30 (TCEF) đầu tư vào top 30 doanh nghiệp hàng đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, với lợi nhuận dài hạn được kỳ vọng ở mức 12%/năm. Quỹ có mức độ rủi ro cao vì kết quả lợi nhuận của Quỹ biến động lên xuống hàng năm phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường chứng khoán, nền kinh tế Việt Nam và thế giới.



Quỹ đầu tư trái phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)

Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, tiết kiệm ngắn hạn để tạo nguồn lợi tức tối ưu cho ngắn hạn với lợi nhuận kỳ vọng đến 6%/năm. TCFF có mức độ rủi ro Thấp.



Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom – TCFIN

Đầu tư tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng và Dịch vụ tài chính trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm. Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn 12%/năm.



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom – TCRES

Đầu tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và vật liệu xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm. Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn 12%/năm.



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom - TCSME

Đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa thị trường thuộc nhóm vốn hóa vừa (midcap) và nhỏ (smallcap) trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm. Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn 12%/năm



Quỹ đầu tư Bất động sản TCREIT

Quỹ bất động sản được niêm yết tại HOSE được kỳ vọng sẽ đem đến cơ hội đầu tư bất động sản cho đại đa số các cá nhân và gia đình Việt Nam khi số tiền đầu tư chỉ từ 1 triệu đồng so với việc mua trực tiếp bất động sản với số vốn từ vài tỷ trở lên.

Theo quy định của luật, TCREIT sẽ đầu tư chủ yếu vào các bất động sản đã hoàn thành và đang tạo ra dòng tiền ổn định từ cho thuê, đồng thời sẽ phân phối 90% lợi nhuận hàng năm cho nhà đầu tư. Quỹ TCREIT được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (Techcom Capital – TCC).



Quỹ đầu tư cổ phiếu United ESG Việt Nam (UVEEF)

Sẽ tập trung đầu tư vào các công ty hàng đầu của ngành với nền tảng cơ bản tốt, vị thế tài chính bền vững, có tiềm năng tăng trưởng và đạt được các chuẩn mực cao về ba yếu tố Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (ESG) từ đó gia tăng năng lực cạnh tranh bền vững trong dài hạn.

Quỹ kỳ vọng tạo ra tỷ suất sinh lợi vượt trội cho các nhà đầu tư trong trung và dài hạn với mức độ rủi ro trung bình so với thị trường. Quỹ UVEEF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam).



Nền tảng quản lý tài sản và đầu tư trực tuyến TCInvest

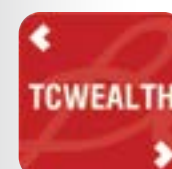
TCInvest là hệ sinh thái Wealthtech cho đầu tư và quản lý gia sản tại Việt Nam, gồm hệ thống giao dịch các sản phẩm đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu và quỹ đầu tư trực tuyến và hệ thống tư vấn và quản lý tài sản, giúp nhà đầu tư giao dịch và quản lý hiệu quả, chuyên nghiệp nhiều loại tài sản đầu tư chỉ với một lần đăng nhập.



iSave - Kết vàng sinh lợi

Kết vàng iSave phù hợp cho nguồn tiền nhàn rỗi đang chờ để giao dịch đầu tư, giúp sinh lợi mỗi ngày, kể cả những ngày lễ hoặc cuối tuần và cần phải thật linh hoạt nộp rút 24/7, khi cần là có ngay.

Tiền để trong iSave sẽ được tối ưu hoá cho khách hàng với mức lợi tức theo ngày được tính hàng ngày với 4.5% - 6.0%/năm.



TCWealth – Hệ thống tư vấn & quản lý tài chính vượt trội

TCWealth là hệ thống tư vấn và quản lý tài chính trực tuyến hay còn gọi là Robo – Advisor đầu tiên ở Việt Nam. TCBS tự hào là công ty đầu tiên giới thiệu mô hình tư vấn tài chính cá nhân tiên tiến trên thế giới đến thị trường Việt Nam.

Với định hướng chiến lược là bảo toàn và tăng trưởng tài sản một cách bền vững, TCWealth giúp khách hàng cá nhân hoạch định chiến lược và phân bổ đầu tư dài hạn như các nhà đầu tư tổ chức, cụ thể:

- ▶ Hoạch định được kế hoạch tài chính dài hạn cho cá nhân và cả gia đình
- ▶ Xác định chiến lược và danh mục đầu tư tối ưu để đạt được các mục tiêu tài chính quan trọng trong tương lai.
- ▶ Phân bổ danh mục vào các loại tài sản đa dạng có độ an toàn, ổn định cao như quỹ cổ phiếu TCBF.



iWealth Partner

Là chính sách giúp các cá nhân đam mê tài chính (các nhà môi giới chuyên nghiệp, nhà đầu tư hiệu quả có sức ảnh hưởng, kinh doanh bán hàng online, nội trợ, v.v.) trở thành đối tác phát triển kinh doanh của TCBS, có cơ hội dễ dàng và linh hoạt để gia tăng thu nhập, tăng khả năng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tư vấn tài chính và quản lý gia sản.



iConnect

Công cụ giúp khách hàng theo dõi và tìm kiếm các lệnh quảng cáo (rao mua, rao bán) trái phiếu của các trực tiếp giữa các nhà đầu tư cá nhân với các mức lợi tức hấp dẫn, nhằm gia tăng thanh khoản và hiệu quả sản phẩm cho khách hàng.



iPlan – Kế hoạch của tôi

iPlan là hệ thống các kế hoạch tài chính cá nhân giúp người lập quản lý tài chính của mình một cách thông minh, hiệu quả và chi tiết. Các kế hoạch này được khởi tạo dựa theo nhu cầu và mục tiêu đầu tư khác nhau của khách hàng, cụ thể:

- ▶ **Thu nhập ổn định:** Là kế hoạch tài chính cho khách hàng muốn nhận thu nhập ổn định theo tuần, tháng hoặc quý.
- ▶ **Trái tức sinh lời:** Giúp khách hàng tối đa hóa lợi nhuận khi đầu tư trái phiếu, thông qua việc tự động đầu tư khoản trái tức trái phiếu (coupon) nhận được định kỳ vào quỹ TCBF để tiếp tục sinh lãi kép.
- ▶ **Vạn lộc an gia:** Kế hoạch liên kết giữa sản phẩm bảo hiểm và đầu tư, giúp khách hàng chủ động dòng tiền đóng phí bảo hiểm từ lãi đầu tư.
- ▶ **Đầu tư bảo toàn vốn:** Là sản phẩm tái đầu tư phần lãi kỳ vọng của khoản đầu tư quỹ TCBF vào Hợp đồng tương lai chỉ số VN30, giúp NĐT bảo vệ phần gốc đầu tư quỹ TCBF đồng thời nhận cơ hội gia tăng lợi nhuận từ khoản tái đầu tư lãi nhờ sử dụng đòn bẩy tài chính của Hợp đồng tương lai và kỳ vọng tăng trưởng của chỉ số VN30.



iXu – Hệ thống tích điểm và thưởng

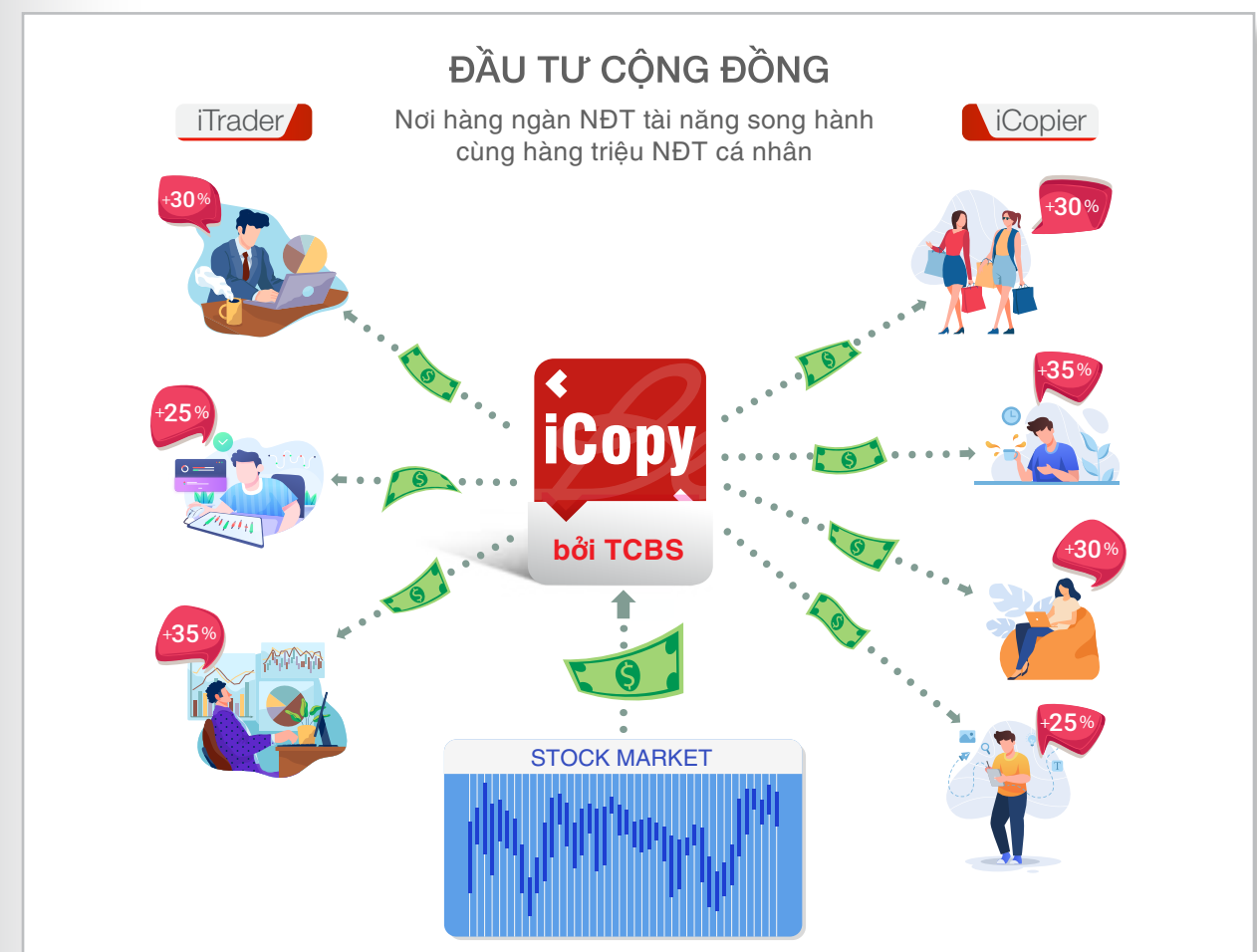
Hệ thống tích điểm và thưởng iXu để tri ân các khách hàng thân thiết, giúp khách hàng có thêm nhiều lợi ích mỗi khi có hoạt động tương tác và sử dụng các sản phẩm của TCBS. Với mỗi giao dịch hợp lệ, khách hàng được nhận điểm iXu để đổi thành tiền và/hoặc điểm VinID, quà, Voucher. Càng tích nhiều điểm iXu, xếp hạng khách hàng càng cao và nhận được nhiều quyền lợi tương ứng.



iCopy – Nền tảng đầu tư cộng đồng

Nền tảng đầu tư cộng đồng đầu tiên tại Việt Nam, giúp Nhà đầu tư cá nhân (Người sao chép hay iCopier) và Nhà đầu tư chuyên nghiệp có thành tích đầu tư hiệu quả vượt trội (Nhà đầu tư tài năng hay iTrader) cùng song hành hưởng lợi một cách minh bạch và công bằng trên thị trường tài chính.

iCopy giúp nhà đầu tư cá nhân được theo dõi và tự động sao chép giao dịch một cách minh bạch, ngay lập tức mỗi khi một hoặc nhiều iTrader mua hay bán mã cổ phiếu, theo đúng tỷ lệ phân bổ của các iTrader trong danh mục đầu tư của họ.



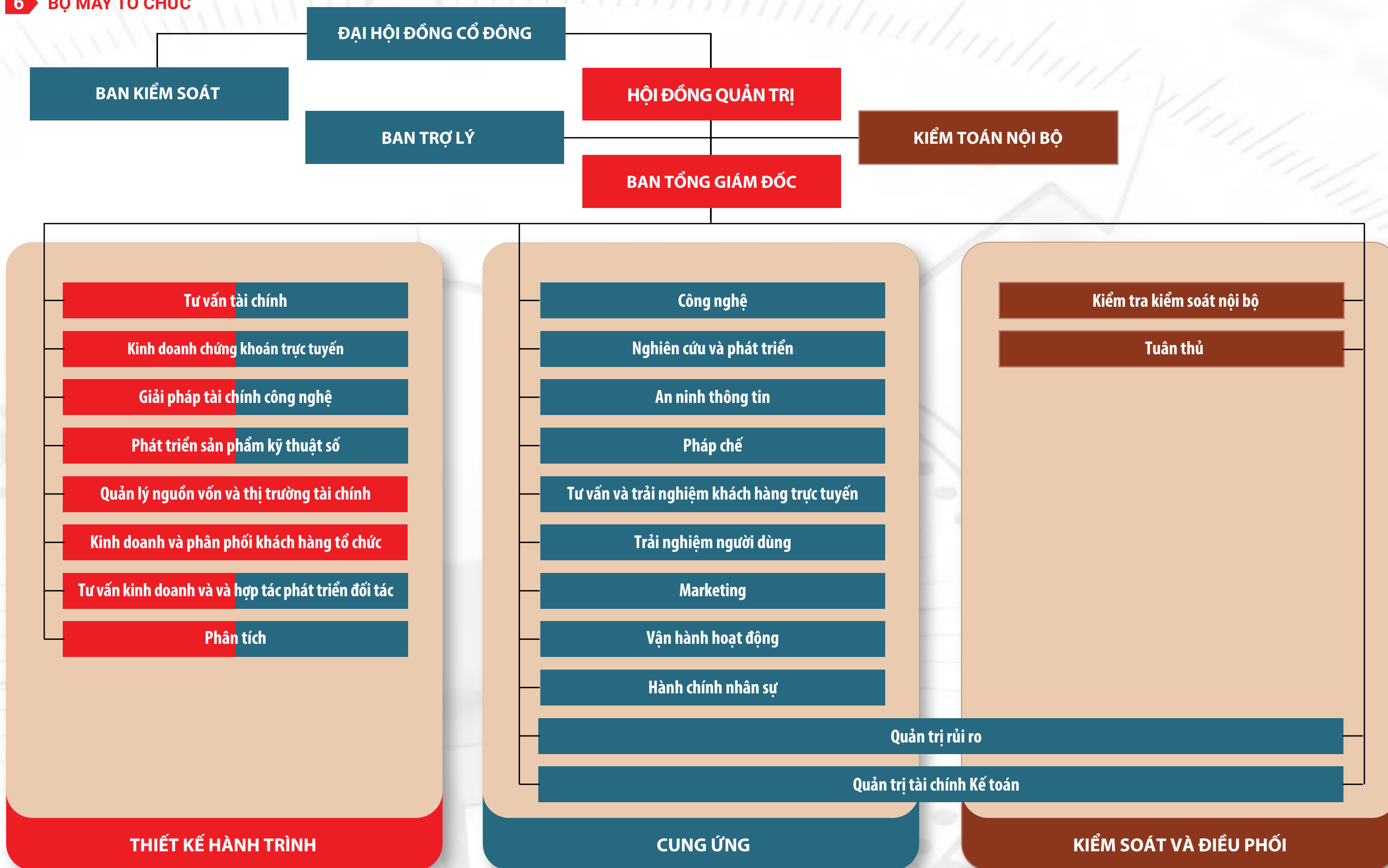
iWealth Club

iWealth Club là đặc quyền dành riêng cho khách hàng có tài khoản tại TCBS, giúp khách hàng tiếp cận các thông tin mới nhất về xu hướng thị trường và các sản phẩm đầu tư tiềm năng. Tại đây, các thành viên có thể kết bạn và trao đổi với các nhà đầu tư khác có cùng sở thích và đam mê để học hỏi thêm kinh nghiệm, bàn luận về các chủ đề đang “hot” trên thị trường tài chính hay chia sẻ các thông tin về cách quản lý gia sản để sinh lời hiệu quả và an toàn nhất.

SUCCESS

**Báo cáo thường niên
2022**

6 BỘ MÁY TỔ CHỨC



7 ĐỘI NGŨ BAN LÃNH ĐẠO



(Ông) NGUYỄN XUÂN MINH, CFA

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và Đầu tư tại Úc. Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí tại Liên bang Nga.

Ông Minh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong đầu tư và quản lý quỹ.

Ông từng là CEO của Vietnam Asset Management Ltd. (VAM) và Phó chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investment tại Singapore. Ông cũng là thành viên HĐQT một số doanh nghiệp tại Việt Nam.



(Bà) NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Tổng Giám đốc

Thạc sỹ tài chính Ngân hàng tại Úc. Bà Hiền có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Bà từng giữ vị trí như Giám đốc trung tâm thị trường vốn - Khối nguồn vốn và thị trường Tài chính, ngân hàng Techcombank. Trợ lý phó chủ tịch, chuyên gia mảng thị trường nợ và các sản phẩm nguồn vốn tại Citibank Việt Nam, là thành viên chương trình TIGER cho các quốc gia châu Á của Citibank Singapore.

(Bà) PHẠM DIỆU LINH

Phó Tổng giám đốc

Thạc sỹ tài chính tại Pháp. Bà Linh có am hiểu sâu sắc trong lĩnh vực tư vấn phát hành trái phiếu.

Với hơn 10 năm làm việc trong mảng thị trường nợ tại Techcombank và TCBS, bà đã tham gia điều phối nhiều giao dịch tư vấn phát hành trái phiếu quy mô lớn và làm việc với các công ty hàng đầu trong các lĩnh vực như bất động sản, sản xuất, ngân hàng, khai thác khoáng sản v.v.



(Bà) BÙI THỊ THU HẰNG

Phó Tổng giám đốc

Cử nhân Thương mại Quốc tế, Đại học Kinh tế quốc dân.

Bà Hằng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán và đầu tư. Bà từng giữ chức vụ Trưởng phòng quản lý giao dịch và thanh toán, phụ trách Phòng quản trị rủi ro và Trưởng sàn giao dịch của Công ty chứng khoán MB.



(Ông) ĐẶNG LƯU DŨNG

Giám đốc Tư vấn Đầu tư kiêm Giám đốc khối Đảm bảo Doanh nghiệp

Tổng giám đốc Techcom Capital

Thạc sỹ luật kinh doanh quốc tế tại Nhật Bản.

Ông Dũng có hơn 18 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, tư vấn pháp lý, tài chính ngân hàng và quản lý quỹ. Ông từng là Phó tổng Giám đốc Techcombank AMC, đồng sáng lập và Tổng giám đốc FPT Capital và Quỹ đầu tư Việt Nhật VJF; Luật sư tư vấn công ty luật Freshfields Bruckhaus Deringer.





(Bà) NGUYỄN THỊ HOẠT

Phó Tổng giám đốc

Cử nhân Kế toán-kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam; Chứng chỉ Kế toán viên Công chứng (ACCA) của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc. Bà Hoạt có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng và Kiểm toán. Bà Hoạt từng đảm nhận vị trí Giám đốc Công ty Bất động sản Huế, Trưởng ban kiểm soát Công ty Tài Chính Hóa Chất và nhiều vị trí cao cấp tại Vietbridge Capital, Công ty Chứng khoán Quốc Tế Hoàng Gia, KPMG và Khối Nguồn vốn Techcombank



(Bà) TRẦN THỊ THU TRANG

Phó Tổng giám đốc

Cử nhân Học viện Tài chính Hà Nội. Bà Trang có hơn 15 năm đồng hành cùng với TCB và TCBS từ những ngày đầu thành lập cho tới vị trí là Công ty chứng khoán có thị phần số 1 trên thị trường trái phiếu hiện nay, bà Trang đã dẫn dắt tư vấn phát hành thành công hơn 400.000 tỷ trái phiếu cho nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực như bất động sản, FMCG, hạ tầng, giáo dục... và góp phần tạo nguồn cung dồi dào cho thị trường trái phiếu bán lẻ. Bên cạnh đó, bà cũng là một thành viên đóng góp tích cực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán nói chung và trái phiếu doanh nghiệp nói riêng.



(Ông) NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

Phó tổng giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng trường Paris I Pantheon Sorbonne và Paris II Pantheon Assas, Pháp. Ông Cường có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng và Chứng khoán. Trước khi làm việc tại Techcomb Securities, ông từng giữ vị trí Giám đốc Đầu tư và kinh doanh Nợ tại Techcombank, Giám đốc sản phẩm Cấu trúc của Vndirect và có nhiều năm làm việc tại Ngân hàng Societe Generale Corporate Investment Banking (SGCIB) tại Pháp.

(Bà) BÙI THỊ THU HÀ

**Giám đốc Tư vấn và kinh doanh
Phó Tổng giám đốc Techcom Capital**

Thạc sỹ Tài chính và đầu tư, Chứng chỉ Quản trị rủi ro trong tài chính và ngân hàng tại Anh. Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng, bà Hà đã trải qua các vị trí công tác tại Tập đoàn Vinacomin, khối nguồn vốn và Thị trường Tài chính của ngân hàng Techcombank và từng là trợ lý cao cấp cho Tổng Giám đốc Techcombank.



(Bà) QUÁCH THÙY LINH

Giám đốc Chi nhánh TP HCM

Với gần 15 năm kinh nghiệm và chuyên môn chuyên sâu trong lĩnh vực phân tích tài chính, đầu tư và khách hàng tổ chức, bà Linh đã đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại ngân hàng và công ty chứng khoán như ngân hàng ANZ, Công ty chứng khoán Vietcombank với các vị trí chủ chốt như Trưởng phòng Phân tích; Trưởng phòng kinh doanh vốn, trái phiếu và khách hàng tổ chức... và đảm nhận vị trí Giám đốc cao cấp tư vấn phát hành tại TCBS trong gần 5 năm qua.



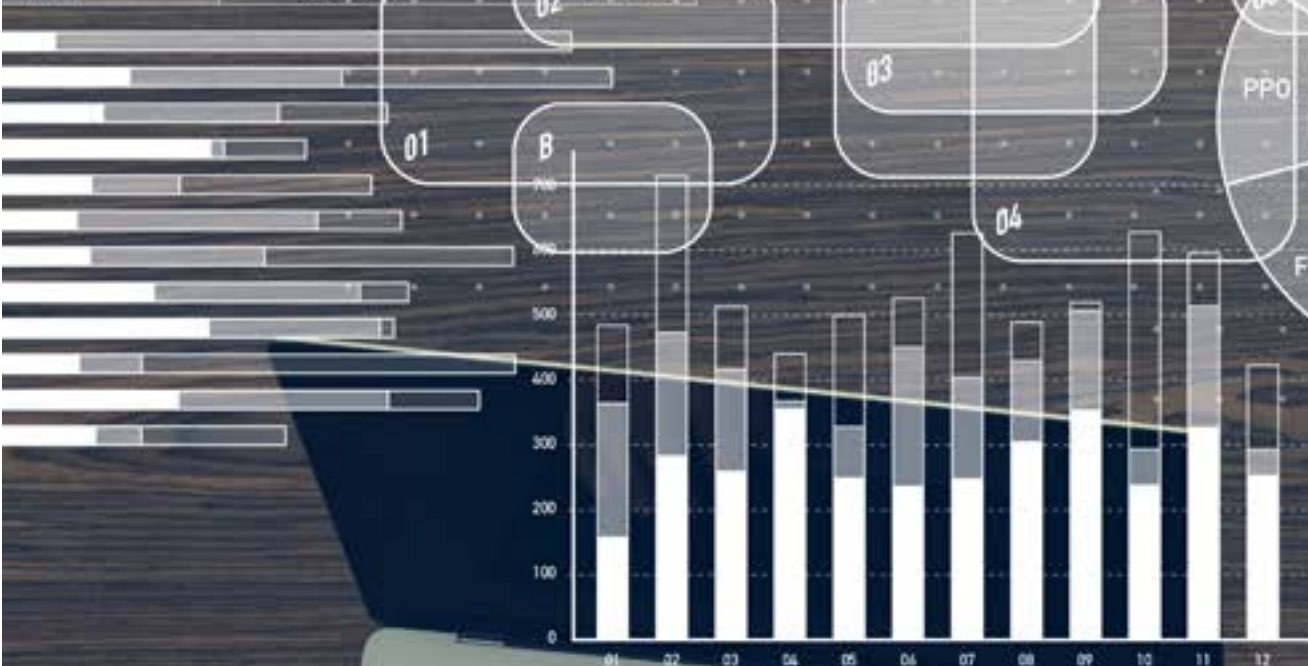
(Ông) NGUYỄN ĐĂNG MINH

Giám đốc Công nghệ

Thạc sỹ Khoa học Máy tính, Đại học Quốc lập Giao Thông, Đà Loan; Chứng chỉ Kiến trúc sư giải pháp Amazon Cloud Web Services. Ông Minh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT. Trước khi về Techcom Securities, ông đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật thuộc dự án FPT.AI tại Ban Công nghệ Tập đoàn FPT trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây.



AIU	1.822	2.349.000
EJK	3.680	238.681.000
HPL	1.062	55.678.000
KEE	485	18.369.000
NAH	8.569	189.201.000
OOP	6.602	102.698.000
TIK	890	24.697.000
WIG	6.280	76.002.000
AHD	2.436	57.610.000



AJU	HJI	WWE	PLO	EER	QRT	SPY
1.822	20.369	890	6.350	10.985	665	6.800
(-35)	(+580)	(-20)	(-200)	(+580)	(-15)	(-115)
MBC	LJH	MJB	PON	NFR	UGH	OMJ
3.605	9.542	2.609	7.654	6.522	1.632	3.652
(+210)	(-128)	(+35)	(+169)	(+122)	(-54)	(+182)
YBV	QMN	MMJ	IIT	KLM	CCX	EMH
3.204	5.211	7.100	7.150	782	1.901	3.280
(-33)	(+156)	(-60)	(-150)	(+74)	(+101)	(-120)
MBR	WFF	HJM	OLC	LSD	SDH	QHS
3.130	712	134	2.022	631	6.287	12.630
(-120)	(+12)	(+5)	(-18)	(+40)	(-57)	(+330)

Báo cáo hoạt động
2022

1 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ số tài chính	2021 (VNĐ)	2022 (VNĐ)	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	24.547.255.120.829	26.091.547.738.863	6,29%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	5.194.713.938.205	5.218.182.207.076	0,45%
Lợi nhuận trước thuế	3.809.885.989.817	3.057.657.087.640	-19,74%
Lợi nhuận sau thuế	3.066.130.586.043	2.426.664.091.883	-20,86%

b. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu

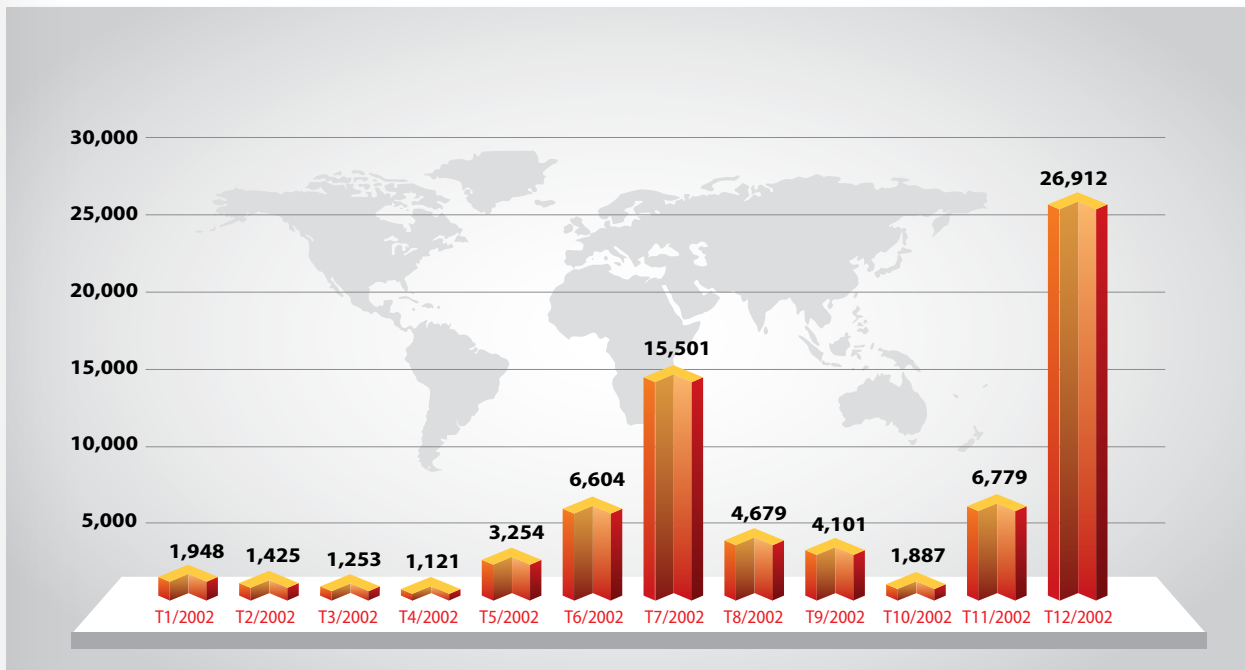
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn			
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (lần)	2,26	1,94	
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	62,3%	57,9%	
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	165,5%	137,4%	
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	21,2%	20%	
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	39,76%	23,99%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	18,41%	9,58%	

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Tiền gốc và trái tức đến hạn thuộc các trái phiếu do TCBS tư vấn phát hành đã được thanh toán trong năm 2022 (tỷ đồng)



Năm 2022, TCBS ghi nhận tổng doanh thu ở mức 5.218 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 3.057 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có tổng tài sản 26.091 tỷ đồng, trong đó Vốn chủ sở hữu đạt 10.989 tỷ đồng.

Thị trường chứng khoán năm 2022 đã trải qua nhiều biến động với những dấu ấn đậm nét. Nửa đầu năm 2022 thị trường ghi nhận những gam màu tích cực khi VN-Index đạt điểm số kỷ lục 1.536,45 điểm – mức cao nhất trong lịch sử. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2022 ghi nhận những dấu hiệu tiêu cực, VN-Index có lúc đã giảm 43,1% từ đỉnh, về 873,78 điểm trong tháng 11/2022. VN-Index kết thúc năm với 1.007,09 điểm, giảm 32,8% so với thời điểm cuối năm 2021. Thanh khoản trên HoSE diễn biến âm ảm khi khối lượng giao dịch bình quân phiên đạt 653,96 triệu cổ phiếu, giảm 11,30% so với cùng kỳ; giá

trị giao dịch bình quân phiên đạt 17.004 tỷ đồng, giảm 21,24% so với năm 2021. Vốn hóa trên sàn HoSE đạt xấp xỉ 4 triệu tỷ đồng, giảm mạnh 31,2% so với cùng kỳ năm trước. Xét trên toàn thị trường, vốn hóa cả ba sàn đạt 5,2 triệu tỷ đồng, giảm 33% so với thời điểm 31/12/2021.

Trong bối cảnh biến động của thị trường, TCBS vẫn duy trì ổn định hoạt động. Doanh thu từ 2 mảng nghiệp vụ chính gồm sản phẩm đầu tư và tư vấn doanh nghiệp đạt lần lượt 3.758 tỷ đồng và 1.459 tỷ đồng. Trong quý 4/2022, hơn 35.500 tỷ đồng tiền trái tức và gốc đến hạn do TCBS tư vấn phát hành đã được thanh toán đầy đủ và đúng hạn tới khách hàng. Lũy kế cả năm 2022, tổng cộng gần 500 mã trái phiếu do TCBS tư vấn khoảng 113.000 tỷ đồng tiền trái tức và gốc đến hạn được thanh toán cho Nhà đầu tư.

Các quỹ đầu tư TCBS đang phân phối

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

➤ **Loại quỹ:** Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

➤ **Tổng tài sản quản lý:**

9.200 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

➤ **Chiến lược đầu tư:**

Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

QUỸ CỔ PHIẾU TECHCOM 30 (TCEF)

➤ **Loại quỹ:** Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

➤ **Tổng tài sản quản lý:**

376 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

➤ **Chiến lược đầu tư:**

Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào (i) chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu (ii) chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT (TCFF)

➤ **Loại quỹ:** Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

➤ **Tổng tài sản quản lý:**

40,6 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

➤ **Chiến lược đầu tư:**

Tối ưu hóa lợi nhuận dòng tiền ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Thay vì để tiền ngắn hạn chưa sử dụng tại ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn 0,5%/năm, nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận kỳ vọng lên đến 6%/năm cho thời hạn đầu tư ngắn hạn chỉ từ một đến vài tuần.

QUỸ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN (TCREIT)

➤ **Loại quỹ:** Quỹ đóng niêm yết, thành lập ở Việt Nam

➤ **Tổng tài sản quản lý:**

44 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

➤ **Chiến lược đầu tư:**

Mang lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư nhờ nguồn thu nhập đều đặn và ổn định từ bất động sản và tăng trưởng dài hạn của giá trị bất động sản, dựa trên chiến lược quản lý bất động sản năng động, hiệu quả. Ngoài ra, quỹ có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính quyền địa phương, các cổ phiếu niêm yết hàng đầu trên Sở HOSE và HNX.

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ TECHCOM (TCVF)

Loại quỹ: Quỹ đóng, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 53,4 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

QUỸ ĐẦU TƯ	HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom – TCFIN	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng và Dịch vụ tài chính trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm.
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom – TCRES	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và vật liệu xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm.
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom – TCSME	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa thị trường thuộc nhóm vốn hóa vừa (mid-cap) và nhỏ (smallcap) trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư dài hạn trên 1 năm.



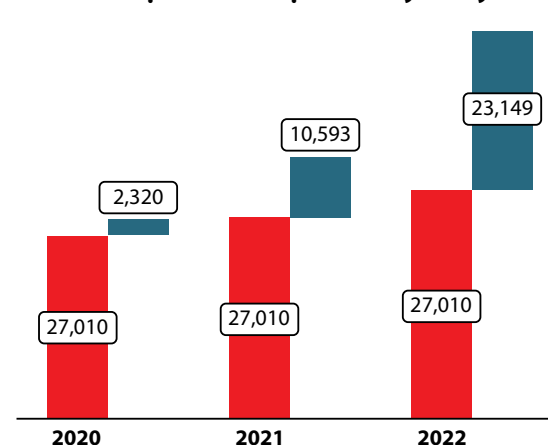
Trong năm 2022, lượng trái phiếu được niêm yết mới tăng mạnh, cải thiện thanh khoản thị trường. Có 29 trái phiếu doanh nghiệp niêm yết mới với giá trị ~20.100 tỷ đồng, trong khi đó 9 trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ~3.600 tỷ đồng đáo hạn hoặc hủy niêm yết. Do vậy, số dư trái phiếu doanh nghiệp niêm yết tại cuối quý 4/2022 tăng 41% so với thời điểm đầu năm, đạt ~56.700 tỷ đồng.

Lượng trái phiếu doanh nghiệp niêm yết mới tăng nhanh giúp thanh khoản trên HNX cải thiện đáng kể, bình quân đạt ~23.400 tỷ đồng/quý năm 2022, cao hơn ~90% so với mức 12.300 tỷ đồng/quý năm 2021.

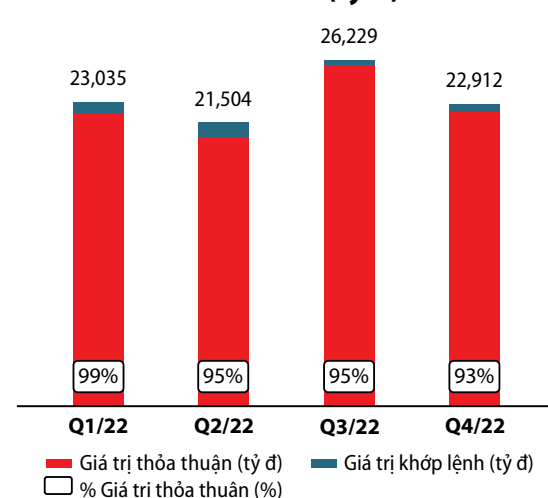
Tổng cộng có 168 doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp với giá trị đạt ~269.000 tỷ đồng lũy kế năm 2022, giảm 63% so với cùng kỳ. Trong đó, có ~10.000 tỷ đồng phát hành ra công chúng (PO) và ~14.000 tỷ đồng phát hành ra quốc tế. Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp của TCBS năm 2022 đạt 17%, tiếp tục giữ vị trí quán quân.

Là đơn vị Tư vấn phát hành và môi giới trái phiếu doanh nghiệp số 1 về thị phần tại Việt Nam liên tục trong nhiều năm (2017 – 2022), chúng tôi đã tư vấn phát hành với tổng giá trị mệnh giá khoảng 400 nghìn tỷ VND (tương

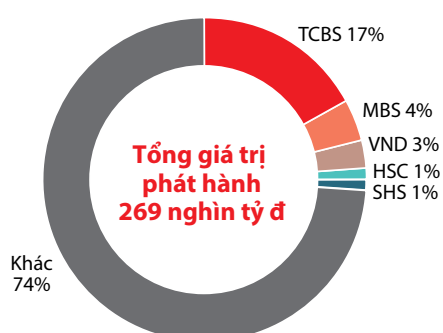
Giá trị TPDN được niêm yết (tỷ đ)



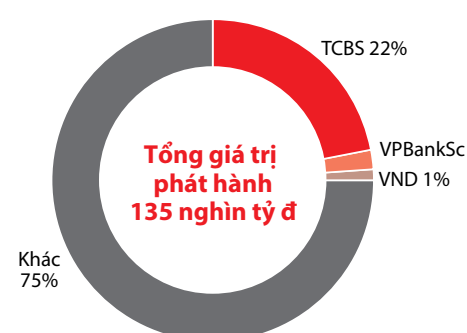
Thanh khoản trên HNX năm 2022 (tỷ đ)



Thị phần tư vấn phát hành TPDN 2022



Thị phần tư vấn phát hành TPDN 2022 (ngoại trừ TPDN phát hành bởi các Ngân hàng)



đương ~ 17 tỷ USD). Năm 2022, trong bối cảnh thị trường trái phiếu có nhiều biến động khó khăn, tổng cộng gần 500 mã trái phiếu do TCBS tư vấn với hơn 75.000 tỷ đồng tiền trái tức và gốc đến hạn được thanh toán cho Nhà đầu tư.

An toàn cũng là tiêu chí hàng đầu trong năm 2022, TCBS đã tiên phong ứng dụng Blockchain và Hợp đồng thông minh (Smart Contract) vào phát hành trái phiếu, quản lý giao dịch và quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp cho khoảng 700 trái phiếu OTC trên 500.000 tài khoản nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

Năm 2022, TCBS nâng tổng giá trị huy động thị trường vốn quốc tế lên hơn 300 triệu USD chỉ trong một năm qua, cao nhất ngành chứng khoán thông qua 3 khoản vay gồm:

Khoản vay hợp vốn tín chấp trị giá khoảng 125 triệu USD do 4 định chế tài chính lớn gồm Ngân hàng CTBC Bank, Taishin International Bank, Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC - Singapore) và Chứng khoán Maybank (Singapore) – thành viên của Tập đoàn Ngân

hàng đầu tư Maybank cùng tham gia với vai trò đồng thu xếp.

Khoản vay hợp vốn 170 triệu USD từ 4 định chế hàng đầu Đài Loan (Cathay United Bank, CTBC Bank, Taipei Fubon Bank và Taishin International Bank).

Và hợp tác vay song phương với Ngân hàng HSBC Singapore với hạn mức 30 triệu USD.

TCBS hiện đang là công ty chứng khoán có định mức tín nhiệm cao nhất dựa trên giá trị những khoản vay tín chấp quốc tế (khoảng 8.000 tỷ đồng) tiếp cận được.

Uy tín và định mức tín nhiệm tín dụng của một doanh nghiệp là điều kiện đầu tiên để các định chế tài chính quốc tế cân nhắc đến khoản vay. Việc TCBS liên tiếp huy động thành công nhiều hợp đồng vay vốn tín chấp với lãi suất thấp từ các tổ chức tài chính lớn khẳng định năng lực và uy tín của TCBS trên thị trường quốc tế. Việc chủ động đa dạng hóa nguồn vốn cả trong và ngoài nước là một trong những bước đi chiến lược nhằm đưa TCBS trở thành công ty công nghệ quản lý gia sản (Wealthtech) có quy mô lớn nhất Việt Nam về vốn chủ sở

hữu, về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động trong các mảng kinh doanh cốt lõi.

Năm 2022, TCBS cùng lúc nhận 2 giải thưởng tại The Asset Triple A Country Awards 2022. The Asset là tạp chí tài chính nổi tiếng, uy tín hàng đầu châu Á với độc giả chủ yếu là các giám đốc điều hành và chuyên gia tài chính đứng đầu trong khu vực. The Asset có trên 20 năm kinh nghiệm đánh giá và xếp hạng các tổ chức tài chính dựa trên cơ sở quy trình đánh giá nghiêm ngặt và minh bạch.

Giải thưởng The Asset Triple A Awards là giải thưởng thường niên vinh danh các tổ chức xuất sắc trong lĩnh vực tài chính của từng quốc gia nói riêng và trong khu vực châu Á nói chung. Việc được vinh danh tại các hạng mục giải thưởng này thể hiện sự ghi nhận với giá trị cao của giới chuyên môn đối với tổ chức tài chính đạt giải.

Thông qua hệ thống đánh giá khắt khe và minh bạch, The Asset đã vinh danh TCBS tại 2 hạng mục:

Best Brokerage (Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2021)

Best Bond Advisor – Domestic (Nhà tư vấn phát hành trái phiếu trong nước tốt nhất Việt Nam về các trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước)

Một số giao dịch nổi bật của TCBS năm 2022:

VKIC PP 2260

Công ty Cổ phần Đầu tư Vast King phát hành thành công 2.260 tỷ đồng trái phiếu theo hình thức chào bán riêng lẻ, đây là trái phiếu có bảo đảm và là trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức tín dụng là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Công ty Cổ phần Đầu tư Vast King là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, có

quy mô vốn điều lệ tại thời điểm phát hành là 1.385 tỷ đồng, công ty định hướng tập trung đầu tư, triển khai và kinh doanh các dự án bất động sản tiềm năng, thuộc phân khúc cao cấp và có vị trí đặc địa tại các khu đô thị giàu tiềm năng phát triển.

TCB PP 13050

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”) phát hành thành công 13.050 tỷ đồng mệnh giá các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản theo hình thức chào bán riêng lẻ trong Quý II và III năm 2022 và được phân phối cho 9 tổ chức tín dụng lớn trong nước (bao gồm: Vietcombank, BIDV, Vietinbank, VPB, TPB...). Techcombank công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương, là một trong những ngân hàng cổ phần lớn nhất Việt Nam, và là một trong những ngân hàng hàng đầu khu vực châu Á. Theo đuổi chiến lược lấy khách hàng là trọng tâm, Techcombank hiện đang cung cấp các giải pháp tài chính và dịch vụ ngân hàng đa dạng cho hơn 10,8 triệu khách hàng, bao gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp thông qua mạng lưới hơn 300 điểm giao dịch trải dài khắp Việt Nam cũng như dịch vụ ngân hàng số dẫn đầu thị trường. Theo báo cáo hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2022, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân của Techcombank tăng 40,1% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 226,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 49,1% danh mục tín dụng của Ngân hàng. Dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 4,5% so với cùng kỳ, đạt 194 nghìn tỷ đồng, chiếm 42% dư nợ tín dụng toàn Ngân hàng. Techcombank hiện là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được Moody’s đánh giá mức tín dụng cơ bản (BCA) là ba2 (triển vọng “Ổn định”) và S&P xếp hạng BB- (triển vọng “Ổn định”).

VIFC PP 9120

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast (“VinFast”) phát hành các trái phiếu



không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và có bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba theo hình thức phát hành riêng lẻ với tổng khối lượng chào bán thành công trong năm 2022 lên tới 9.120 tỷ đồng. Trong số đó, lô trái phiếu VinFast phát hành tháng 09 năm 2022 đánh dấu bước đi tiên phong của TCBS khi giới thiệu ra thị trường sản phẩm trái phiếu tặng kèm quyền mua bất động sản với nhiều đặc quyền hấp dẫn (iBond PiO). VinFast là công ty thành viên của Tập đoàn Vingroup – tập đoàn Kinh tế tư nhân đa ngành hàng đầu tại Việt Nam và châu Á - với tầm nhìn trở thành thương hiệu xe điện thông minh thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng xe điện toàn cầu. Mặc dù là hãng xe non trẻ mới được thành lập từ năm 2017 nhưng với các bước đi táo bạo của mình, VinFast đã nhanh chóng thiết lập sự hiện diện toàn cầu, thu hút những tài năng tốt nhất từ khắp nơi trên thế giới và hợp tác với những thương hiệu mang tính biểu tượng nhất trong ngành Ô tô. VinFast đang gấp rút thực hiện các bước đi quan trọng để xúc tiến thương vụ IPO đầy tham vọng tại Hoa Kỳ với mục tiêu huy động hàng tỷ USD.

BVCC PP 1800

Ngân hàng TMCP Cổ phần Bảo Việt (“BaoViet Bank”) phát hành thành công 1.800 tỷ đồng mệnh giá các trái phiếu không chuyển đổi,

không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản theo hình thức chào bán riêng lẻ trong Quý II và Quý III năm 2022 nhằm mục đích bổ sung vốn cấp 2 theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành trong năm 2022. BaoViet Bank được thành lập ngày 11/12/2008 dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trải qua các cột mốc phát triển, BaoViet Bank đã vươn mình trở thành ngân hàng cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính ngân hàng như: huy động vốn, tín dụng, thanh toán và ngân quỹ, giao dịch ngoại tệ, tài trợ thương mại, chiết khấu giấy tờ có giá, quản lý dòng tiền, ủy thác/nhận ủy thác và các dịch vụ khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép. Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của BaoViet Bank đạt trên 65.461 tỷ Đồng với mạng lưới hoạt động gồm 22 chi nhánh, 34 phòng giao dịch, 51 ATM (máy rút tiền tự động) và 30 CRM (máy nộp/rút tiền tự động). Với tầm nhìn trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện Bảo hiểm – Đầu tư – Tài chính – Ngân hàng, BaoViet Bank hướng tới mục tiêu phát

triển bền vững, mở rộng kinh doanh trên nền tảng ổn định và hiệu quả, gắn tăng trưởng quy mô với việc bảo đảm an toàn trong hoạt động, đáp ứng những chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

MSN PP 1500

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) chào bán riêng lẻ thành công các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm với tổng giá trị phát hành đạt 1.500 tỷ Đồng. Đây là các trái phiếu đầu tiên trên thị trường được chào bán theo quy định của Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. MSN là tập đoàn đa ngành với quy mô hàng đầu trong nước, như bán lẻ, hàng tiêu dùng có thương hiệu, khai thác khoáng sản ... Các thương hiệu hàng tiêu dùng nổi bật của Tập đoàn như Chinsu (nước mắm, nước tương, tương ớt), Nam Ngư (nước mắm), Omachi, Sagami, Kokomi (mì ăn liền), MEATDeli (thịt sạch), đã trở thành các thương hiệu quen thuộc với hàng triệu hộ tiêu dùng tại Việt Nam.

VNG PO 500

Công Ty Cổ Phần Du Lịch Thành Thành Công (“VNG”) phát hành các trái phiếu không

chuyển đổi, không kèm chứng quyền và theo hình thức phát hành ra công chúng với tổng mệnh giá 500 tỷ đồng vào Quý I năm 2022. Trái phiếu hiện đang được bảo đảm bởi các bất động sản là khách sạn và khu vui chơi giải trí. VNG là doanh nghiệp sở hữu chuỗi dịch vụ đa dạng: “Lưu trú – Trung tâm hội nghị/ Nhà hàng - Vui chơi giải trí - Lữ hành” với hơn 20 khách sạn/ khu nghỉ dưỡng, trung tâm hội nghị và khu vui chơi trải dài trên khắp cả nước, hơn 1.200 phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn từ 3-5 sao tại các thành phố du lịch trọng điểm trong nước như Hội An, Nha Trang, Đà Lạt, Ninh Thuận, Phan Thiết, Hồ Chí Minh, Bến Tre, Cần Thơ và ngoài nước như Campuchia... phục vụ hơn 2 triệu lượt khách Việt Nam và Quốc tế mỗi năm. Việc phát hành trái phiếu là bước đi chiến lược giúp cân đối tình hình tài chính của công ty để công ty vững vàng vượt qua đại dịch và tạo nền tảng để nắm bắt cơ hội từ thị trường du lịch nghỉ dưỡng sau khi phục hồi. Đây cũng là lần đầu tiên VNG phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu. Việc này khẳng định tính minh bạch của công ty với cộng đồng nhà đầu tư, đồng thời giúp công ty đa dạng hóa các kênh huy động vốn của mình trong bối cảnh thị trường biến động như năm 2022 vừa qua.



2 TỔ CHỨC NHÂN SỰ

a. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc
2	Bà Phạm Diệu Linh	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Bùi Thị Thu Hằng	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hoạt	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng giám đốc
6	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng giám đốc
7	Bà Nguyễn Thục Anh	Kế toán trưởng

b. Tình hình thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng giám đốc	20/08/2022		

c. Chính sách đối với người lao động

Năm 2022, số lượng CBNV tăng 42 người. Tại ngày 31/12/2022, tổng cộng có 501 nhân sự tại TCBS. Trong đó, nhân sự công nghệ lên đến 268 CBNV, chiếm 53,6% tổng số CBNV Công ty.

Để nâng cao mức độ gắn bó, giữ chân Người lao động có Chuyên môn cao, Ban lãnh đạo thường xuyên rà soát về chế độ lương thưởng của Người lao động. Năm 2022, TCBS đã thực hiện 1 kỳ nâng lương định kỳ vào tháng 4.

Ngoài ra, TCBS đã chi trả chi phí cho gói bảo hiểm sức khỏe cho CBNV, bảo hiểm này đã hỗ trợ rất tốt cho CBNV trong điều trị nội trú, ngoại trú cũng như các rủi ro khác về sức khỏe.

Các hoạt động truyền thông nội bộ, hoạt động gắn kết của Công ty cũng được tổ chức đầy đủ và hiệu quả như hoạt động Team building, Tổng kết 6 tháng đầu năm, hoạt động trong các dịp lễ như ngày phụ nữ Việt Nam 20-10. Ban lãnh đạo cũng dành nhiều sự quan tâm tới gia đình CBNV như tặng quà con em CBNV nhân Ngày thiếu nhi 01/06, tết Trung thu. Các hoạt động thăm hỏi CBNV theo chế độ sinh con, ốm đau, hiếu hỷ, v.v đều được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

3 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 112.614.070

Loại cổ phần: Phổ thông

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 112.424.680

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu: 189.390

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ/VĐL
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	88,799%
Ông Nguyễn Xuân Minh	6,125%
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	0,998%
Cổ đông nước ngoài	2,000%
Các cổ đông còn lại	2,078%
Tổng	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Vốn điều lệ (VNĐ)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
1	Giấy phép số 125/GP-UBCK ngày 30/05/2018 của UBCKNN về Thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	1.000.000.000.000	Thành lập Công ty	UBCKNN và Sở KHĐT TP. Hà Nội
2	Giấy phép số 85/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2018 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ.	1.058.201.050.000	Chào bán riêng lẻ	UBCKNN
3	Giấy phép số 37/GPĐC-UBCK ngày 13/06/20219 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	1.123.595.510.000	Chào bán riêng lẻ	UBCKNN
4	Giấy phép số 72/GPĐC-UBCK ngày 04/11/2020 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	1.124.246.800.000	Chào bán riêng lẻ	UBCKNN
5	Giấy phép số 27/GPĐC-UBCK ngày 18/03/2022 của UBCKNN về thay đổi vốn điều lệ	1.126.140.700.000	Chào bán riêng lẻ	UBCKNN

4 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 - Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 vừa qua đánh dấu nhiều thách thức với thị trường chứng khoán nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của TCBS nói riêng. Thị trường cổ phiếu trải qua nhiều thăng trầm, chỉ số Vn-Index thiết lập đỉnh lịch sử đầu năm 2022 nhưng sau đó giảm sâu cùng với thanh khoản ở mức thấp. Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu liên tục chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện tiêu cực cũng như các sửa đổi về khung pháp lý siết chặt điều kiện phát hành và phân phối trái phiếu. Mặt bằng lãi suất tiết kiệm tăng cao vào giai đoạn Quý 4/2022 cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khẩu vị đầu tư của nhà đầu tư. Do đó, kết quả kinh doanh của Công Ty trong năm 2022 cũng chịu tác động lớn từ xu hướng sụt giảm chung của thị trường. Tuy nhiên, với khả năng đáp ứng nhanh và hiệu quả với các biến động của thị trường, Công ty vẫn duy trì ổn định hoạt động, đã và đang vượt qua những giai đoạn khó khăn, một số chỉ tiêu tài chính vẫn đạt kế hoạch. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	5.839	5.268	90%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3.368	3.058	91%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2.401	2.427	101%

Nguồn: BCTC 2022 đã được kiểm toán của TCBS

2. Tình hình tài chính

Tại thời điểm kết thúc năm 2022, quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty đều tăng so với năm 2021 với 26.092 tỷ đồng và 10.989 tỷ đồng. Năm 2022, hệ số thanh toán hiện hành của TCBS đạt 1,94 lần, giảm nhẹ so với năm 2021. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản và nợ phải trả/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt mức 0,58 và 1,37 lần, cải thiện so với năm 2021. Năm 2022, biên lợi nhuận công ty giảm từ mức 59,02% về 46,50%. Ngoài ra, do quy mô tổng tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu bình quân tăng mạnh so với cùng kỳ, các hệ số ROA, ROE của TCBS giảm so với năm 2021, đạt lần lượt 9,58% và 23,99% (so với 18,41% và 39,76% năm 2021). Dù vậy, TCBS vẫn là công ty chứng khoán có hiệu quả kinh doanh tốt nhất thị trường tính trên các tiêu chí biên lợi nhuận ròng, ROA và ROE.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2022 là năm thị trường Chứng khoán rất khó lường với sự phân hóa mạnh mẽ và có những thời điểm thị trường đã giảm mạnh nhất toàn cầu. Đứng trước các khó khăn và thách thức, Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực thực hiện các biện pháp đối ứng linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động phát triển kinh doanh với hiệu suất tối đa và đã mang lại hiệu quả đáng ghi nhận. Cụ thể như sau:

- Tiên phong ứng dụng công nghệ Blockchain vào quản lý trái phiếu doanh nghiệp. Trong năm 2022, TCBS đã tiên phong ứng dụng Blockchain và Hợp đồng thông minh (Smart Contract) vào phát hành trái phiếu, quản lý giao dịch và quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp cho khoảng 700 trái phiếu OTC trên 500.000 tài khoản nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

- Thực hiện rà soát hệ thống Quy trình, Quy chế, ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của cơ chế chính sách pháp luật và phù hợp hơn với đường lối hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tổ chức các buổi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng nhân viên và mức độ hoàn thành công việc nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hướng đến năm giao dịch mới 2023, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, TCBS sẽ miễn phí giao dịch cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền và chứng chỉ quỹ niêm yết cho khách hàng giao dịch trên TCInvest. Bên cạnh đó, TCBS sẽ tận dụng nguồn vốn dồi dào để đem đến cho Nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi và lợi ích vượt trội như linh hoạt lựa chọn các gói vay margin với lãi suất chỉ từ 0,5%/năm hay tối ưu nguồn tiền nhàn rỗi đang chờ đầu tư, lợi tức theo ngày tới 7,5%/năm.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính năm 2022 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

TCBS hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, do đó các sản phẩm dịch vụ của Công ty không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các tác động gián tiếp đến môi trường, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện, nước và các văn phòng phẩm.

5 ▶ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2022, các công việc của HĐQT đã thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ cũng như các quy chế quản trị, quy chế nội bộ của Công Ty. Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp và đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời, đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật. HĐQT cũng đã thực hiện tốt các chức năng định hướng phát triển của Công Ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách của Ban Tổng Giám đốc được phân tích và tham vấn kịp thời từ HĐQT nhằm có giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công Ty và cổ đông.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Sau một năm 2021 tăng trưởng mạnh, chỉ số VN-Index tiếp tục duy trì ở ngưỡng cao trong 3 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên sau đó, thị trường liên tục đi xuống và chỉ số VN-Index kết thúc năm 2022 ở mức 1.007 điểm, thấp hơn 32,8% so với mức 1.500 điểm hồi đầu năm. Dù vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ghi nhận nhiều điểm tích cực trong năm 2022. Đầu tiên là số lượng nhà đầu tư chứng khoán mới tham gia thị trường tiếp tục tăng trưởng tốt, với lượng tài khoản mở mới năm 2022 tăng hơn 60% so với năm trước, góp phần hỗ trợ

cho thanh khoản của thị trường. Thứ hai là tín hiệu khởi sắc từ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài khi khối ngoại trở lại mua ròng với giá trị hơn 29.000 tỷ VNĐ trong năm 2022, chấm dứt chuỗi bán ròng liên tục từ 2020 – 2021.

Nửa cuối năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận tình trạng “đóng băng” sau các sự kiện tiêu cực và Nghị định 65 sửa đổi thay cho Nghị định 153. Sự thiếu hụt dòng tiền cùng với áp lực mua lại trái phiếu khiến tình hình kinh doanh và trạng thái tài chính nhiều công ty niêm yết suy giảm, từ đó dẫn đến việc giá cổ phiếu liên tục lao dốc, nhiều doanh nghiệp niêm yết bị bán giải chấp cổ phiếu, đặc biệt ở nhóm bất động sản, xây dựng... Trong bối cảnh đó, căn cứ trên tình hình khách quan thị trường, cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của TCBS, Hội đồng quản trị TCBS đã đề ra phương hướng, chiến lược phù hợp để Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả nhất, cụ thể:

- Tổng doanh thu: 5.268 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 3.058 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 2.427 tỷ đồng (đạt 101% so với kế hoạch 2.401 tỷ đồng).

Dựa trên kết quả thực tế tình thực hiện hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm các cơ hội mới cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
- Trong năm 2022, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động trong công tác sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công Ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

Dựa trên những dự báo thị trường chứng khoán năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục phát huy các nguồn lực hiện có, đồng thời triển khai thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Cụ thể:

- Tầm nhìn – Chiến lược
Tiếp tục hành trình theo đuổi chiến lược Wealthtech (tài chính công nghệ), TCBS sẽ hướng tới mục tiêu đạt 5.000 tỷ lợi nhuận và 5 tỷ đô la Mỹ vốn hoá vào 2025. Và để đạt được mục tiêu này, TCBS đang tập trung vào ba trụ cột lớn, gồm:
- Tiên phong ra mắt các sản phẩm đầu tư và quản lý gia sản mới cho khách hàng
- Mở rộng kết nối với các hệ sinh thái số khác tại Việt Nam
- Cá nhân hoá các dịch vụ và sản phẩm qua việc sử dụng công nghệ dữ liệu và máy học
- Mục tiêu – nhiệm vụ trọng tâm 2023

Với mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu ở các mảng kinh doanh cốt lõi và tận dụng tối đa nguồn vốn dồi dào để mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng và cổ đông, năm 2022, TCBS đã công

bố kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ trị giá hơn 10.000 tỷ đồng theo đúng lộ trình chiến lược 5 năm 2021-2025. Sau kế hoạch này, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của TCBS dự kiến sẽ vượt trên 21.000 tỷ đồng, và thuộc những công ty có vốn chủ sở hữu cao nhất ngành. Việc tăng vốn, dự kiến thực hiện cuối quý II, đầu quý III/2023, là một trong những bước đi chiến lược nhằm đưa TCBS trở thành công ty công nghệ quản lý gia sản (Wealthtech) có quy mô lớn nhất Việt Nam về vốn chủ sở hữu, về lợi nhuận, và hiệu quả hoạt động trong các mảng kinh doanh cốt lõi.

Hướng đến năm giao dịch mới 2023, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, TCBS kỳ vọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ số, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến cho Nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi và lợi ích vượt trội về sản phẩm và trải nghiệm đầu tư đồng thời hoàn thành các mục tiêu tài chính đã đề ra.

- Mục tiêu tài chính năm 2023

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	4.654 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	2.000 tỷ đồng

6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2022

STT	Họ và tên	Cơ cấu HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu*
1	Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch HĐQT	6,1254%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	0,9977%
3	Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên HĐQT	0%
5	Ông Darren Neale Buckley	Thành viên HĐQT	0%
6	Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên HĐQT	0%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2022 đã tập trung đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ cũng như các quy chế quản trị, quy chế nội bộ của Công Ty.

- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp và đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời, đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật. HĐQT cũng đã thực hiện tốt các chức năng định hướng phát triển của Công Ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách của Ban Tổng Giám đốc được phân tích và tham vấn kịp thời từ HĐQT nhằm có giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công Ty và cổ đông.

- HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Công Ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của năm 2022, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập ổn định cho Người lao động trong Công Ty.

- Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Xuân Minh	04/04	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	04/04	100%	
3	Ông Phan Thanh Sơn	04/04	100%	
4	Ông Lê Huy Hoàng	04/04	100%	
5	Darren Neale Buckley	04/04	100%	
6	Alexandre Charles Emmanuel Macaire	04/04	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2022)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1.	011901/22/NQ- HĐQT-TCBS	19/1/2022	Phê duyệt triển khai cung cấp dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán	67%
2.	021901/22/NQ- HĐQT-TCBS	19/1/2022	Phê duyệt việc tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản	67%
3.	012601/22/NQ- HĐQT-TCBS	26/01/2022	Phê duyệt khẩu vị rủi ro áp dụng cho TCBS	67%
4.	012701/22/NQ- HĐQT-TCBS	27/1/2022	Ký Hợp đồng mua sắm license phần mềm IBM Data Power Gateway cho TCBS	67%
5.	022801/22/NQ- HĐQT-TCBS	28/1/2022	Phê duyệt chi trả thưởng theo kết quả hoàn thành công việc năm 2021 của Tổng Giám đốc	60%
6.	010702/22/NQ- HĐQT-TCBS	07/02/2022	Giao dịch người nội bộ/Người có liên quan	83%
7.	031002/22/NQ- HĐQT-TCBS	10/02/2022	Phê duyệt hạn mức khung tối đa cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán tại TCBS tối đa không vượt quá 98% 2 lần VCSH	100%
8.	041002/22/NQ- HĐQT-TCBS	10/2/2022	Phê duyệt chủ trương TCBS ký Hợp đồng mượn một phần diện tích dư thừa tại Hội sở Trần Duy Hưng của TCB để làm văn phòng	100%
9.	021702/22/NQ- HĐQT-TCBS	17/02/2022	Phê duyệt các nội dung liên quan đến việc đăng ký tăng vốn điều lệ TCBS sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021	100%
10.	011802/22/NQ- HĐQT-TCBS	18/2/2022	Giao dịch của Người có liên quan của Người đại diện của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.	100%

11.	030803/22/NQ- HĐQT-TCBS	08/03/2022	Miễn nhiệm Kế toán trưởng	80%
12.	040803/22/NQ- HĐQT-TCBS	08/03/2022	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách bộ phận kế toán	80%
13.	011403/22/NQ- HĐQT-TCBS	14/03/2022	Phê duyệt chi phí sử dụng công cụ phân tích kinh doanh Power BI Pro	80%
14.	011703/22/NQ- HĐQT-TCBS	17/03/2022	Phê duyệt kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	80%
15.	020604/22/NQ- HĐQT-TCBS	06/04/2022	Miễn nhiệm chức vụ giám đốc chi nhánh với bà Đỗ Tú Anh	80%
16.	070604/22/NQ- HĐQT-TCBS	06/04/2022	Bổ nhiệm bà Quách Thùy Linh làm giám đốc chi nhánh	80%
17.	010804/22/NQ- HĐQT-TCBS	08/04/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB	100%
18.	011304/22/NQ- HĐQT-TCBS	13/04/2022	Điều chỉnh hạn mức số dư iBond Series kèm dịch vụ môi giới chịu rủi ro tín dụng	80%
19.	012804/22/NQ- HĐQT-TCBS	28/4/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 2	100%
20.	011105/22/NQ- HĐQT-TCBS	11/5/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 3	100%
21.	032305/22/NQ- HĐQT-TCBS	23/5/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 4	100%

23.	073005/22/NQ-HĐQT-TCBS	30/05/2022	Giao dịch của Người có liên quan của Người đại diện của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.	100%
24.	020306/22/NQ-HĐQT-TCBS	03/06/2022	Phê duyệt TCBS mở hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100%
25.	020606/22/NQ-HĐQT-TCBS	06/06/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 5	100%
26.	021006/22/NQ-HĐQT-TCBS	10/6/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 6	100%
27.	041306/22/NQ-HĐQT-TCBS	13/06/2022	Ban hành quy định quản lý tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	100%
28.	051306/22/NQ-HĐQT-TCBS	13/06/2022	Ban hành Danh mục Thẩm quyền của Cấp quản trị về Kế hoạch, Ngân sách các khoản chi phí tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	100%
29.	012706/22/NQ-HĐQT-TCBS	27/06/2022	Thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn giá và quản lý tài sản bảo đảm là chứng khoán giữa Techcombank và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và ký kết Hợp đồng hợp tác Khung cung cấp dịch vụ tư vấn và quản lý chứng khoán	100%
30.	011606/22/NQ-HĐQT-TCBS	16/06/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 7	100%
31.	012206/22/NQ-HĐQT-TCBS	22/6/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 8	100%
32.	022206/22/NQ-HĐQT-TCBS	22/6/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 9	100%

34.	012706/22/NQ-HĐQT-TCBS	27/06/2022	Thanh lý Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn giá và quản lý tài sản bảo đảm là chứng khoán giữa Techcombank và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và ký kết Hợp đồng hợp tác Khung cung cấp dịch vụ tư vấn và quản lý chứng khoán	100%
35.	022306/22/NQ-HĐQT-TCBS	30/06/2022	Giao dịch của Người có liên quan của Người đại diện của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.	100%
36.	010507/22/NQ-HĐQT-TCBS	5/7/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 11	100%
37.	010807/22/NQ-HĐQT-TCBS	08/07/2022	Thay đổi chỉ số khẩu vị rủi ro trong nhóm rủi ro thị trường của TCBS năm 2022	100%
38.	012107/22/NQ-HĐQT-TCBS	21/7/2022	Phê duyệt TCBS tham gia tư vấn phát hành, tư vấn hồ sơ chào bán và tư vấn giao dịch tập trung cho các trái phiếu của TCB - lần 12	100%
39.	010208/22/NQ-HĐQT-TCBS	02/08/2022	Phê duyệt việc tổ chức xin ý kiến bằng văn bản (Họp Quý III/2022)	100%
40.	011808/22/NQ-HĐQT-TCBS	18/08/2022	Phê duyệt giao dịch giữa TCBS và TCB (về hợp tác thông tin)	100%
41.	021808/22/NQ-HĐQT-TCBS	18/08/2022	Phê duyệt áp dụng thưởng thu hút cho CBNV	100%
42.	012908/22/NQ-HĐQT-TCBS	29/08/2022	Thông qua hồ sơ chào bán, danh sách đối tượng được chào bán và việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022	100%
43.	010510/22/NQ-HĐQT-TCBS	05/10/2022	Giao dịch của Người có liên quan của Người đại diện của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty (Ms Nguyễn Thị Thanh Thủy)	100%

44.	012010/22/NQ-HĐQT-TCBS	20/10/2022	Ban hành quy định quản lý chi phí công vụ của TCBS	100%
45.	021111/22/NQ-HĐQT-TCBS	11/11/2022	Thay đổi kế hoạch triển khai Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.	100%
46.	041111/22/NQ-HĐQT-TCBS	11/11/2022	Phê duyệt việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
47.	010512/22/NQ-HĐQT-TCBS	5/12/2022	Thông qua hồ sơ chào bán và việc triển khai phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022	100%
48.	012812/22/NQ-HĐQT-TCBS	28/12/2022	Phê duyệt ký kết Hợp đồng quản lý cổ đông với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Người có liên quan của Công ty	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	0%
2	Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	0%
3	Ông Đào Kiên Trung	Thành viên	0%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao và hoạt động một cách chủ động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc chuẩn bị.
- Xem xét việc kiểm toán báo cáo tài chính soát xét bán niên, kiểm toán hàng năm nhằm đảm bảo không có những sai sót trọng yếu trong số liệu tài chính, phản ánh trung thực, hợp lý, tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Tổ chức họp định kỳ theo quy định của Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty để thảo luận về hoạt động của Ban Kiểm soát và hoạt động của Công ty.
- Các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

STT	Chức danh	Năm 2021	Năm 2022
1	HĐQT	9.655.528.425 VNĐ	9.665.818.823 VNĐ
2	Ban kiểm soát	60.000.000 VNĐ	60.000.000 VNĐ

Lương và thù lao của Ban Tổng Giám đốc

STT	Chức danh	Năm 2021	Năm 2022
1	Ban Tổng giám đốc	19.256.045.642 VNĐ	23.724.591.419 VNĐ

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch HĐQT	7.398.073	6,5694%	6.898.073	6,1254%	Giảm do chuyển nhượng
2	Ông Nguyễn Xuân Hùng	Người có liên quan của Ông Nguyễn Xuân Minh	500.000	0,4440%	180.000	0,1598%	Tăng do chuyển nhượng
3	Công ty TNHH Quản lý tài sản Việt Nam (Vietnam Asset Management Limited)	Người có liên quan của Ông Nguyễn Xuân Minh	0	0,0000%	2.252.281	2,0000%	Tăng do chuyển nhượng

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để tăng cường quản trị nội bộ nói chung và hoạt động công bố thông tin nói riêng, Công ty đã tiến hành rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định nội bộ, nâng cao hiểu biết và trình độ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, đảm bảo các hoạt động sau này luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.





Chương III: KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ VỚI CHIẾN LƯỢC WEALTHTECH



1 CHỈ SỐ AN TOÀN BẢO MẬT THÔNG TIN LOẠI A

Năm 2022, TCBS đã vượt qua các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và đứng đầu bảng xếp hạng chỉ số an toàn bảo mật thông tin của UpGuard - tổ chức uy tín đánh giá hiệu quả an ninh mạng đã và đang quản lý và xếp hạng hàng triệu công ty từ hàng tỷ nguồn dữ liệu mỗi ngày.

Tiếp tục hành trình theo đuổi chiến lược Wealthtech (tài chính công nghệ), TCBS sẽ hướng tới mục tiêu đạt 5.000 tỷ lợi nhuận và 5 tỷ đô la Mỹ vốn hoá vào 2025. Và để đạt được mục tiêu này, TCBS đang tập trung vào ba trụ cột lớn, gồm

- i) Tiên phong ra mắt các sản phẩm đầu tư và quản lý gia sản mới cho khách hàng
- ii) Mở rộng kết nối với các hệ sinh thái số khác tại Việt Nam

Tiii) Cá nhân hoá các dịch vụ và sản phẩm qua việc sử dụng công nghệ dữ liệu và máy học.

Theo báo cáo do Cisco công bố, 59% doanh nghiệp tại Việt Nam đã gặp sự cố mạng trong năm qua, hậu quả của những sự cố này là 86% doanh nghiệp bị mất thông tin khách hàng vào tay của những kẻ xấu. Trong đó, có đến gần 40% doanh nghiệp tại Việt Nam từng bị tấn công mạng cho biết các giải pháp an ninh mạng của doanh nghiệp mình không đủ mạnh để phát hiện hoặc ngăn chặn cuộc tấn công là nguyên nhân hàng đầu gây ra những sự cố này. Có đến 30% doanh nghiệp bị tấn công đã phải bỏ ra khoảng 500.000 USD hoặc nhiều hơn để khắc phục hậu quả, đặc biệt có đến 4% doanh nghiệp cho rằng họ tổn thất một số tiền lên đến khoảng 1 triệu USD hoặc hơn.

Báo cáo của Cisco cũng cho thấy bên cạnh việc mất dữ liệu khách hàng, các doanh

ngành tại Việt Nam còn gặp nhiều sự cố khác, như mất dữ liệu nhân viên (67%), email nội bộ (61%), thông tin tài chính (58%), sở hữu trí tuệ (56%) và thông tin kinh doanh nhạy cảm (51%).

Như vậy, với việc TCBS là doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực nhạy cảm Wealthtech (tài chính công nghệ), so với các doanh nghiệp khác, TCBS đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong việc đảm bảo an toàn thông tin.

Đối mặt với những thách thức lớn về vấn đề an toàn bảo mật thông tin, đặc biệt vào thời điểm cần tiết kiệm tối đa chi phí phát sinh cho doanh nghiệp, chỉ trong vòng 1 tháng với nguồn lực và chi phí hạn hẹp, TCBS đã nỗ lực từng ngày nghiên cứu và triển khai các giải pháp bảo mật giúp tăng cường chỉ số an toàn bảo mật thông tin bao gồm:

* Nghiên cứu và triển khai tường lửa ứng dụng web (Web Application Firewall – WAF) - giải pháp giúp hỗ trợ bảo vệ cho ứng dụng web tránh khỏi các lỗi bảo mật top 10 trên thế giới.

* Thực hiện triển khai rà soát và loại bỏ các lỗ hổng bảo mật ngay trong ứng dụng bằng việc rà soát code cũng như các hệ thống máy chủ đang được mở kết nối tới Internet.

Bên cạnh đó, TCBS cũng đã thực hiện nghiên cứu và triển khai các giải pháp giúp bảo vệ doanh nghiệp khỏi các mối đe dọa khác bao gồm:

* Nghiên cứu và triển khai hệ thống xác thực mạnh giúp đảm bảo an toàn khi kết nối vào mạng nội bộ của công ty.

Nghiên cứu và triển khai hệ thống Guacamole, Privileged Access Management giúp quản trị, kiểm soát truy cập vào các hệ thống của công ty gồm:

- (i) Đảm bảo khả năng quản lý, kiểm soát các thao tác trên hệ thống đích
- (ii) Theo dõi hệ thống thông qua việc ghi lại màn hình của các phiên làm việc
- (iii) Giám sát thao tác của các tài khoản đặc quyền trên hệ thống đích theo cơ chế thời gian thực (realtime).
- (iv) Linh hoạt xuất file báo cáo dưới dạng excel, CSV các thông tin về thời gian làm việc trên hệ thống đích, tài khoản đăng nhập.
- (v) Có thể ngắt phiên làm việc trên hệ thống đích nếu giám sát thấy có sai phạm gây ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.



2 ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN KIẾN THỨC ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ GIA SẢN CHO KHÁCH HÀNG

Để liên tục cập nhật trực tiếp xu hướng và kiến thức đầu tư tới khách hàng, các chuyên gia phân tích đầu tư của TCBS đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn kiến thức đầu tư và quản lý gia sản cho khách hàng của mình, được trực tiếp phát sóng trên kênh Youtube của TCBS với đa dạng các series đầu tư “nóng” như Vén màn chiến lược giao dịch, Tính năng hữu ích trên nền tảng TCInvest và

Cẩm nang đầu tư trái phiếu TCBS.

Bên cạnh đó, nhà đầu tư còn được cập nhật tức thời đa dạng các báo cáo, thông tin phân tích đầu tư trực tiếp trên ứng dụng TCInvest hàng ngày như khuyến nghị đầu tư, phân tích thị trường theo ngày, báo cáo thị trường phái sinh, thị trường chứng quyền và báo cáo phân tích các kênh đầu tư. Trong năm 2022, hơn 400 báo cáo và phân tích tư vấn chuyên sâu về đầu tư, gần 100 video cẩm nang đầu tư và 125 bí kíp đầu tư hiệu quả đã được TCBS gửi đến khách hàng của chúng tôi.

TECHCOMSECURITIES 
BeSpoke

**VÀ NHỮNG LỢI ÍCH
MANG TỚI CHO KHÁCH HÀNG**



Hơn

400

Báo cáo và phân tích tư vấn chuyên sâu về đầu tư



Gần

100

Clip cẩm nang đầu tư về các sản phẩm cổ phiếu, trái phiếu...



125

Bí kíp đầu tư hiệu quả qua mục “Bạn có biết” trên hệ thống TCInvest

3 HÀNH TRÌNH TIÊN PHONG CHUYỂN ĐỔI AGILE

Chuyển đổi tư duy, phương pháp và văn hóa làm việc Agile là cách để TCBS tập trung theo đuổi chiến lược Wealthtech. Sáng tạo và liên tục đổi mới đã giúp TCBS xây dựng hệ thống công nghệ hiện đại, tiên phong thị trường và linh hoạt đáp ứng được nhu cầu quản lý gia sản của Nhà đầu tư.

Agile là mô hình làm việc tiên tiến được áp dụng ở các công ty công nghệ tài chính lớn trên thế giới, gồm các nhóm "Scrum" nhỏ đảm nhiệm các dự án riêng. Những thành viên trong từng nhóm này mang tinh thần khởi nghiệp rất cao, họ sẽ tự quản lý, đảm nhiệm và phát triển các dự án mới. Họ đến từ đủ các phòng ban với nghiệp vụ và năng lực chuyên môn khác nhau, sắp xếp và tham gia ngồi cùng nhau hàng ngày để phát triển dự án riêng của mình.

Mô hình Agile giúp phân chia dự án lớn thành các giai đoạn nhỏ để dễ xử lý và thay đổi khi khách hàng yêu cầu. Trong quá trình làm dự án, từng giai đoạn nhỏ sẽ được kiểm tra và chạy thử nghiệm ngay để đảm bảo các sản phẩm mới, tính năng mới luôn có thể ứng dụng được, giúp cải thiện chất lượng dịch vụ sản phẩm, giảm thiểu sự phản ánh của các khách hàng.

Văn hóa làm việc TCBS được bao hàm trong 4 tôn chỉ:

- Sự tương tác và hỗ trợ giữa các thành viên quan trọng hơn quy trình và công cụ
- Sản phẩm dùng được quan trọng hơn tài liệu đầy đủ
- Thấu hiểu khách hàng là giá trị cốt lõi
- Liên tục đổi mới để cải tiến dịch vụ

Văn hóa Agile được nhân rộng và ngày

càng thể hiện sự hiệu quả thông qua khả năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ một cách nhanh nhất, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực và tương tác giữa các thành viên và các nhóm.

Phương pháp truyền thống	Phương pháp Agile
Lập kế hoạch đầy đủ từ đầu và chuyển giao toàn bộ giải pháp khi đã hoàn tất.	Kế hoạch được thay đổi linh hoạt, giải pháp được chia nhỏ, phát triển và chuyển giao liên tục từng phần để kiểm thử và hoạt động luôn được, mang nhiều giá trị mới tới khách hàng.

TCBS định vị mình là công ty tài chính công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, vì thế văn hóa doanh nghiệp cũng được xây dựng phản ánh đúng tinh thần và định hướng của công ty.

Áp dụng chuyển đổi Agile từ năm 2017, TCBS bắt đầu triển khai mô hình mới chỉ với 4 "Scrum" nhỏ gọn để thực hiện các dự án. Các nhóm này thường được xem như các "startup" nhỏ trong công ty và có đầy đủ các thành viên từ nhiều phòng ban khác nhau, cả nghiệp vụ và IT cùng tham gia và sắp xếp ngồi cùng nhau để làm việc và trao đổi hàng ngày, thay vì sắp xếp theo kiểu truyền thống là các khu riêng biệt và nhân sự ngồi theo phòng, ban.

Đến năm 2019, sau khi đã triển khai và áp dụng thành công mô hình Agile vào quy trình làm việc, TCBS đã phát triển lên thành

12 scrum team, liên tục hàng tuần cải tiến chất lượng sản phẩm, mang đến cho khách hàng những tính năng, trải nghiệm mới trên hệ thống TCInvest khi tham gia đầu tư giao dịch như đặt lệnh Excel, đặt lệnh nhanh trên bảng giá cổ phiếu cá nhân, kế hoạch tài chính iPlan, Robo-advisor, Chat-bot và nhiều công cụ tư vấn tài chính hiện đại khác.

Năm 2022 là năm khởi đầu cho giai đoạn chiến lược 5 năm, với mục tiêu trở thành Nhạc trưởng của dòng chảy vốn tại Việt Nam: 5@5@5@5=2025 (5 triệu người dùng @ 5 giải pháp mỗi người dùng @ 5000 tỷ đồng lợi nhuận @ 5 tỷ đô-la vốn hoá). Bên cạnh các giải pháp kinh doanh, TCBS tập trung phát triển hệ sinh thái Wealthtech toàn diện để mang lại trải nghiệm đầu tư vượt trội cho khách hàng.

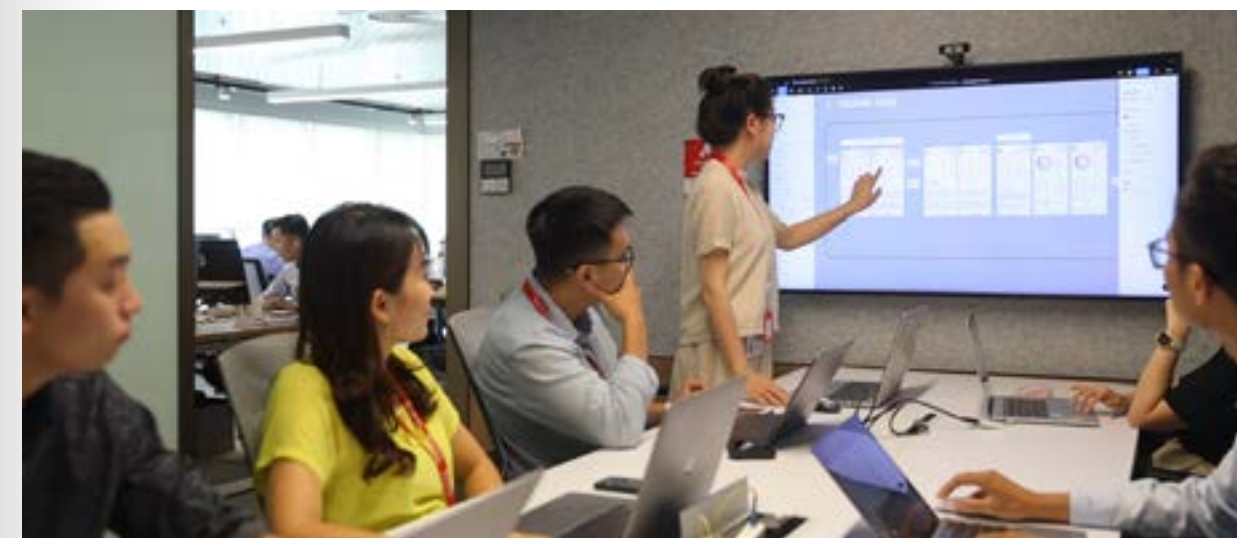
Làm chủ công nghệ giúp TCBS xây dựng hệ thống linh hoạt, thay đổi mới một cách nhanh chóng theo nhu cầu kinh doanh từng giai đoạn. TCBS xây dựng đội ngũ nhân sự công nghệ lên tới gần 65% nhân sự cả công ty, tổ chức thành công hơn 20 Scrum team làm việc theo mô hình Agile và hiệu quả hoạt động được thấy rõ qua từng quy trình:

Các sản phẩm công nghệ quan trọng đều do TCBS tự xây dựng. Công ty đã nâng cấp hệ thống liên tục lên đến hơn 900 lần, đồng thời, cho ra mắt thị trường hàng loạt các sản phẩm mới tiên phong thị trường như Nền tảng đầu tư cộng đồng iCopy, Cổng kết nối doanh nghiệp TCCorp, sản phẩm phái sinh iFuture với nhiều tiện ích khác biệt chỉ với 1-chạm, dịch vụ mở tài khoản số đẹp tự chọn 100% online cùng nhiều tính năng ưu việt trên hệ thống TCInvest.

Sự tăng trưởng vượt bậc và đột biến đó là thách thức cho mọi hệ thống giao dịch và mọi nhà hoạch định chiến lược công nghệ thông tin, bao gồm cả TCBS.

Tuy vậy, hệ thống công nghệ thông tin của TCBS vẫn tăng trưởng song hành cùng sự phát triển của doanh nghiệp, nhờ 3 chiến lược công nghệ thông tin đúng đắn:

1. Tiên phong sử dụng điện toán đám mây
2. Phát triển hệ thống phân tích dữ liệu thông minh thời gian thực
3. Chiến lược làm chủ công nghệ và áp dụng thành công văn hóa làm việc Agile.



4 CHIẾN LƯỢC LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ

Năm 2022 TCBS được vinh danh tại hàng loạt các hạng mục giải thưởng quốc tế gồm:

IBS Intelligence Global Fintech Innovation Awards 2022

- Big Data – Banking

Asian Technology Excellence Awards 2022

- Most Innovative of Technology

FinanceAsia Country Awards 2022

- Best Wealth Management & Private Banking Implementation
- Most Innovative use of Blockchain in Banking

Các giải thưởng này đã khẳng định sự đúng đắn trong chiến lược công nghệ tài chính (Wealthtech) mà TCBS theo đuổi, và là minh chứng cho năng lực công nghệ vượt trội của đội ngũ nhân sự công nghệ TCBS.



A. Tiên phong ứng dụng công nghệ Blockchain vào quản lý trái phiếu doanh nghiệp.

Là đơn vị Tư vấn phát hành và môi giới trái phiếu doanh nghiệp số 1 về thị phần tại Việt Nam liên tục trong nhiều năm (2017 – 2022), chúng tôi đã tư vấn phát hành với tổng giá trị mệnh giá khoảng 400 nghìn tỷ VND (tương đương ~ 17 tỷ USD). An toàn là tiêu chí hàng đầu trong năm 2022, TCBS đã tiên phong ứng dụng Blockchain và Hợp đồng thông minh (Smart Contract) vào phát hành trái phiếu, quản lý giao dịch và quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp cho khoảng 700 trái phiếu OTC trên 500.000 tài khoản nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

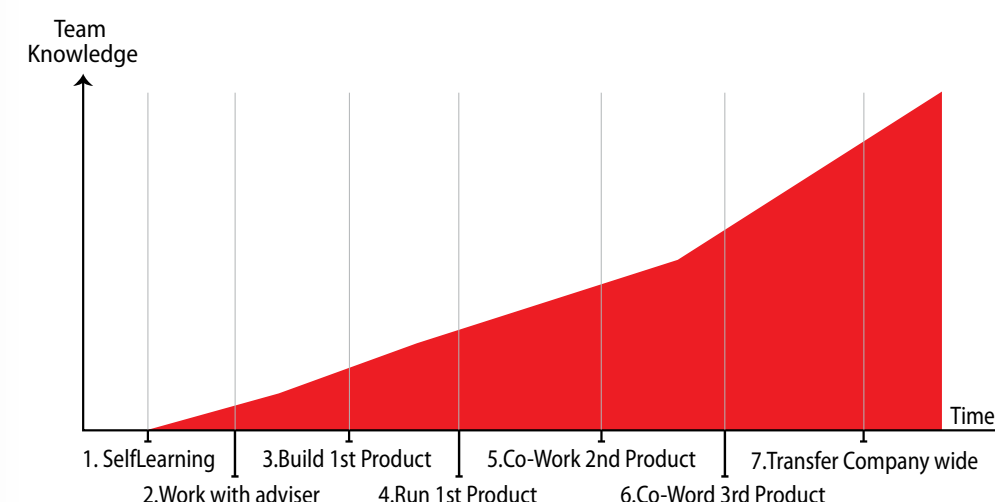
Khi quy mô phát hành và giao dịch tăng, việc ghi nhận thông tin trái phiếu phát hành, quyền sở hữu và các giao dịch chuyển nhượng chính xác là đòi hỏi cấp thiết. Dự án “Ứng dụng blockchain trong quản lý gia sản nhà đầu tư” được ra đời với hai mục tiêu chính: sở hữu được công nghệ hàng đầu của thế giới và ứng dụng được công nghệ này trong việc kiểm soát vận hành hoạt động của Công ty, bảo

đảm quyền lợi cho khách hàng và từ đó gia tăng tín nhiệm của TCBS.

Từ lúc lên ý tưởng, nghiên cứu để chuyển giao know-how về công nghệ, lựa chọn phạm vi triển khai và phát triển ứng dụng để go-live chỉ trong thời gian ngắn là 3 tháng, TCBS tự hào triển khai dự án thành công mang lại nhiều lợi ích ban đầu và là công ty chứng khoán đầu tiên sở hữu và đưa các công nghệ mới nhất vào thay thế phương án xử lý truyền thống nhằm mang đến trải nghiệm an toàn tuyệt đối cho khách hàng cũng như tối ưu hiệu quả hoạt động.

Trong những năm gần đây, công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đang trở thành công nghệ tiên tiến trên toàn cầu và tại Việt Nam. Với những hạn chế trong cách lưu trữ truyền thống dữ liệu tiềm ẩn rủi ro bị đe dọa, Blockchain được thiết kế để chống lại sự thay đổi dữ liệu. Mỗi một giao dịch mới sẽ tạo ra những khối thông tin (block) liên kết với nhau thành chuỗi (chain) mở rộng theo thời gian. Khi dữ liệu đã được lưu vào một khối thì không thể thay đổi. Vì vậy Blockchain giúp đảm bảo được các yếu tố bảo mật

Tcbs's orientation for institutionalization of blockchain technology



cao, chống giả tạo và bảo toàn thông tin vĩnh viễn.

Với 6 đặc tính quan trọng của công nghệ này: tính không thể thay thế, tính phi tập trung, tính bảo mật, tính phân tán, tính minh bạch, Blockchain được biết đến là công nghệ tiên tiến hàng đầu và đã được thế giới ứng dụng nhiều và hiệu quả trong thập kỷ qua trong các ngành nghề như tài chính, sản xuất (quản lý kho bãi sản xuất, hàng tồn kho/ kiểm soát nguồn cung nguyên liệu trong chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, sản phẩm), chăm sóc sức khỏe, y tế (quản lý chất lượng và quản lý bệnh lý bệnh nhân), trong giáo dục (theo dõi và lưu trữ dữ liệu học tập của học sinh sinh viên trong giáo dục),... Tại Việt Nam, dường như công nghệ này còn quá mới mẻ.

Theo đuổi chiến lược công nghệ tài chính Wealthtech, TCBS quyết định đón đầu xu hướng thế giới bằng việc tiến hành nghiên cứu và triển khai công nghệ Blockchain vào các nghiệp vụ của tổ chức, tiến tới mở rộng

ứng dụng cho khách hàng nhằm tối ưu dịch vụ của TCBS.

► **Dự án mang tính tiên phong về mặt thị trường:** Với tư cách là tổ chức tài chính đầu tiên tham gia Hiệp hội Blockchain Việt Nam (thành lập ngày 27/04/2022 theo Quyết định 343/QĐ-BNV của Bộ Nội Vụ), dự án ứng dụng blockchain trong quản lý quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp được xem như dự án đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến này nhằm phát triển và minh bạch hóa thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển.

► **Dự án thể hiện tính sáng tạo trong phạm vi tổ chức:** Theo đuổi chiến lược công nghệ tài chính Wealthtech, TCBS luôn tìm kiếm các công nghệ hàng đầu để học hỏi, để ứng dụng và đem đến những trải nghiệm thông minh, ưu việt và tin cậy cho khách hàng. Khởi đầu bằng việc đưa công nghệ blockchain vào quản lý giao dịch và quản lý quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp cho khách hàng, chúng tôi hướng tới

nhân rộng mô hình công nghệ này cho các loại tài sản khác của khách hàng để bảo đảm tính bảo mật, đồng thời đang nghiên cứu để triển khai thêm các ứng dụng khác cho team nghiệp vụ và khách hàng như: thực hiện báo cáo đối soát dữ liệu trên blockchain; tạo các báo cáo sao kê số dư tài khoản với dữ liệu lấy từ blockchain; tra cứu lịch sử giao dịch và thông tin giao dịch từ blockchain thông qua các chuỗi hash được gắn cho từng giao dịch; ứng dụng vào tính năng e-voting.

Sau thời gian gấp rút vừa nghiên cứu vừa tự phát triển, TCBS tự hào đã làm chủ được công nghệ Blockchain và Smart Contract. Đến thời điểm hiện tại chúng tôi đã áp dụng thành công Blockchain trong việc quản lý giao dịch và quyền sở hữu trái phiếu, một trái phiếu khi được phát hành hệ thống sẽ sinh ra một Mã đại diện (token) và công nghệ smart-contract giống như một hợp đồng kỹ thuật số được ràng buộc bởi một bộ quy tắc cam kết cụ thể cho phép thiết lập sẵn các điều kiện giao dịch và tự động ghi nhận các giao dịch làm tăng hoặc giảm tài sản của khách hàng. Các giao dịch của khách hàng sẽ được ghi nhận vào các Khối (Block) khi thỏa mãn các điều kiện xác thực của các Validator trên mạng.

Toàn bộ giao dịch phát sinh trong suốt vòng đời của trái phiếu từ khi phát hành sơ cấp đến chuyển nhượng thứ cấp đều được ghi nhận và không thể thay đổi trên blockchain. Sử dụng blockchain với mục đích chính “kiểm toán” trong việc phát hành trái phiếu, quản lý quyền sở hữu của trái chủ và giao dịch trái phiếu, Chúng tôi đã xây dựng bộ công cụ cho khối nghiệp vụ kiểm soát vận hành hoạt động đã phát hiện ra các sai lệch dữ liệu nguyên nhân chính là từ rủi ro hoạt động và kịp thời ngăn chặn đảm bảo tính đúng đắn của dữ liệu giúp khách hàng an tâm khi đầu

tư và sở hữu các trái phiếu doanh nghiệp được tư vấn phát hành bởi TCBS.

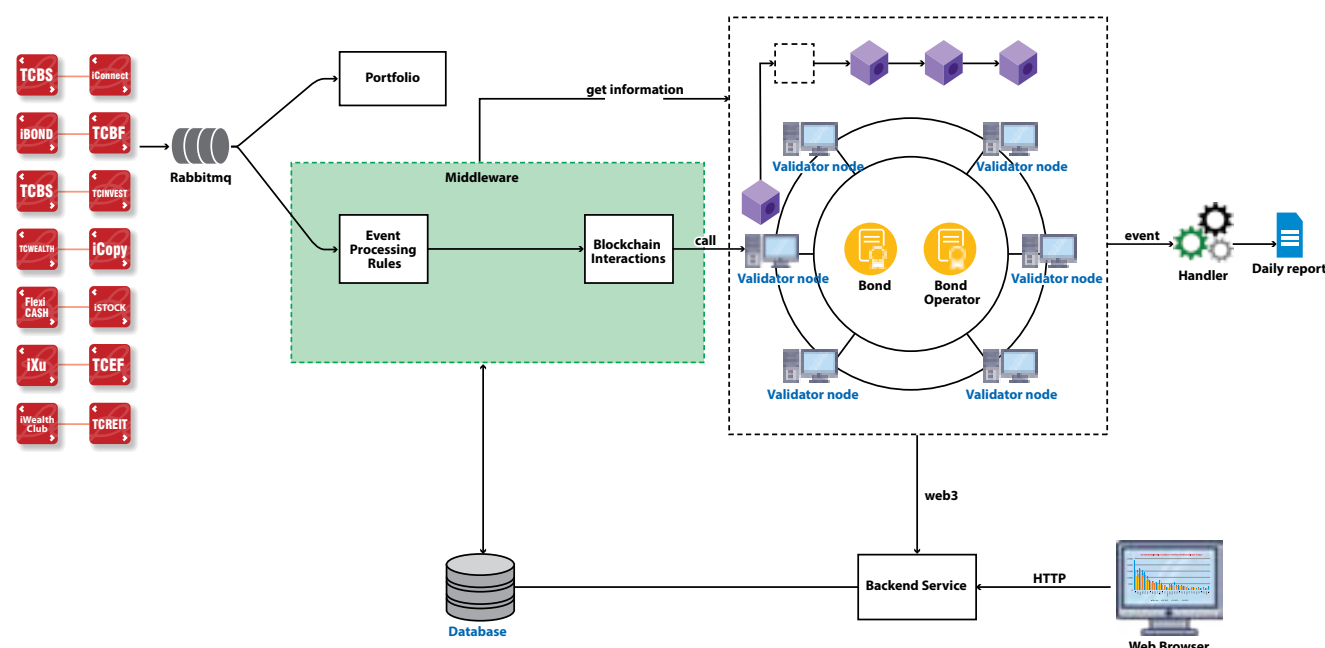
Sau khi dự án được golive, kết quả team đã thực hiện snapshot và phát hành token cho gần 500 Trái phiếu đang active với dữ liệu số dư của 50.000 nhà đầu tư đang nắm giữ lên Blockchain. Hiện tại giao dịch chuyển nhượng trái phiếu được ghi nhận trung bình 1.000 giao dịch/ngày, Dự án được phát triển với tốc độ tối ưu mỗi 1s đồng được một Block với khả năng ghi lên đến 400 giao dịch nhằm chuẩn bị nền tảng hệ thống cho sự sôi động của thị trường trái phiếu trong 5 năm tiếp theo.

Sau khi triển khai thành công cho Trái phiếu mảng kinh doanh xương sống thì chúng tôi sẽ mở rộng và lan tỏa việc áp dụng blockchain cho các loại sản phẩm khác để đóng góp được nhiều hơn cho trải nghiệm của khách hàng, team nghiệp vụ vận hành và nhanh chóng chuyển mình sang thể chế mới cho tương lai là Blockchain.

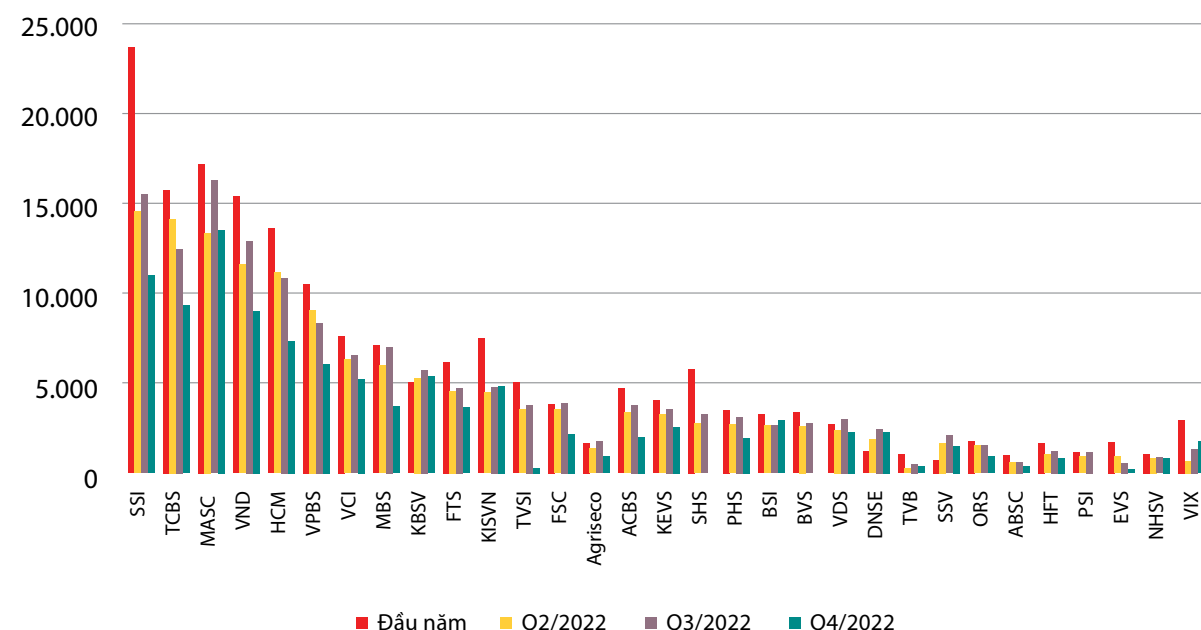
Vì vậy, mục tiêu của TCBS trong thời gian tới là tiếp tục thể chế hóa việc áp dụng blockchain vào các hoạt động hàng ngày của các phòng ban tại công ty. Đồng thời, chúng tôi cũng sẽ giới thiệu thêm nhiều sản phẩm và giải pháp tài chính, chứng khoán sử dụng công nghệ Blockchain đến với khách hàng trong thời gian gần nhất.

B. Xây dựng và làm chủ hệ thống ký quỹ MarginX

Lợi ích khi dùng dịch vụ margin là nhà đầu tư có thể mua được số lượng cổ phiếu nhiều hơn so với việc chỉ dùng vốn tự có. Sử dụng margin là cách để tối ưu hiệu suất đầu tư, bởi công cụ này tạo cơ hội để tăng lợi nhuận trong trường hợp thị giá cổ phiếu tăng cao hơn lãi suất vay margin mà nhà đầu tư trả cho công ty chứng khoán.



Dư nợ Margin tại 31 công ty chứng khoán cuối quý 4/2022



Với tiềm năng phát triển rất lớn của thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay, các công ty chứng khoán đang còn khá nhiều dư địa cho vay. Năm 2022, với lợi thế tiếp cận nguồn vốn rẻ, TCBS đã tung ra các gói vay margin linh hoạt lãi suất hấp dẫn chỉ từ 0,5% năm cho khách hàng.



TCBS hướng tới cạnh tranh thị phần margin bằng công nghệ, và quyết định tự xây dựng hệ thống quản lý ký quỹ riêng tên MarginX với mục tiêu linh hoạt nguồn huy động vốn, xây dựng chính sách linh hoạt cho từng khách hàng, và có thể tích hợp được với nhiều hệ thống quản lý tài sản khác như trái phiếu, chứng chỉ quỹ, thay vì chỉ hạn chế duy nhất ở sản phẩm cổ phiếu như hiện nay. TCBS lựa chọn Amazon Web Services (AWS) là nhà cung cấp điện toán đám mây chính với các lợi ích:

C. Nâng cao năng lực nhân sự Công nghệ

► Nhanh chóng

Điện toán đám mây cho phép người sử dụng dễ dàng tiếp cận nhiều công nghệ để có thể đổi mới nhanh hơn và phát triển gần như mọi thứ có thể tưởng tượng. Đám mây giúp nhanh chóng thu thập tài nguyên khi cần—từ các dịch vụ cơ sở hạ tầng, như điện toán, lưu trữ, và cơ sở dữ liệu, đến Internet of Things, machine learning, kho dữ liệu và phân tích, v.v.

Doanh nghiệp có thể triển khai các dịch vụ công nghệ một cách nhanh chóng và tiến hành từ khâu ý tưởng đến khâu hoàn thiện nhanh hơn một vài cấp bậc cường độ so với trước đây. Điều này cho phép các doanh nghiệp tự do thử nghiệm, kiểm thử những ý tưởng mới để phân biệt trải nghiệm của khách hàng và chuyển đổi doanh nghiệp.

► Quy mô linh hoạt

Với điện toán đám mây, doanh nghiệp không phải cung cấp tài nguyên quá mức để xử lý các hoạt động kinh doanh ở mức cao nhất trong tương lai. Thay vào đó, chỉ cần cung cấp lượng tài nguyên mà thực sự cần. Doanh nghiệp có thể tăng hoặc giảm quy mô của các tài nguyên này ngay lập tức để tăng và giảm dung lượng khi nhu cầu kinh doanh thay đổi.

► Tiết kiệm chi phí

Nền tảng đám mây cho phép thay thế các khoản chi phí cố định (như trung tâm dữ liệu và máy chủ vật lý) bằng các khoản chi phí biến đổi, đồng thời chỉ phải trả tiền cho tài nguyên CNTT mà doanh nghiệp sử dụng. Bên cạnh đó, chi phí biến đổi cũng sẽ thấp

hơn nhiều so với chi phí tự trang trải do tính kinh tế theo quy mô.

► Triển khai trên toàn cầu chỉ trong vài phút

Với đám mây, doanh nghiệp có thể mở rộng sang các khu vực địa lý mới và triển khai trên toàn cầu trong vài phút. Ví dụ: AWS có cơ sở hạ tầng trên toàn thế giới, vì vậy, doanh nghiệp có thể triển khai ứng dụng của mình ở nhiều địa điểm thực tế chỉ bằng vài cú nhấp chuột. Đặt các ứng dụng gần hơn với người dùng cuối giúp giảm độ trễ và cải thiện trải nghiệm của họ.

Để sử dụng hiệu quả công nghệ này cần xây dựng đội ngũ nhân sự thành thạo, năm 2022, đội ngũ kỹ sư tốt nhất tại TCBS đã tham gia khóa học và thực hành AWS và thành quả đạt được:

- 2 kỹ sư đạt chứng chỉ AWS Certified Solution Architect – Professional level
- 20 kỹ sư đạt chứng chỉ AWS Certified Solution Architect – Associate
- 1 kỹ sư đạt AWS Certified Security - Specialty





Nhờ đội ngũ kỹ sư thành thạo công nghệ AWS, năm qua TCBS đã triển khai thành công Dự án quy hoạch, chuẩn hoá hạ tầng Cloud Landing Zone và Dự án triển khai Kubernetes.

D. Đẩy mạnh hoạt động đào tạo Nội bộ

Các hoạt động đào tạo nội bộ tại TCBS nhằm mục đích hướng dẫn nhân viên có thêm nhiều kiến thức bổ ích về công nghệ để linh hoạt ứng dụng vào công việc. Tại TCBS, các chuyên gia công nghệ trong công ty là những diễn giả hướng dẫn và chia sẻ trực tiếp trong những buổi TechTalk. Năm 2022, TCBS đã tổ chức thành công nhiều buổi TechTalk với các chủ đề:

- ▶ Consumer Driven Contract Testing
- ▶ Kiến trúc hệ thống lệnh điều kiện
- ▶ Revolutionize TcPrice và Amazing BATCH
- ▶ Infrastructure as code using terraform
- ▶ Architecture for a Hybrid Cloud
- ▶ Conditional Order's System Architecture
- ▶ Mechanical Sympathy in Software

development

- ▶ Partnership – Kiến trúc và ứng dụng Multi IA
- ▶ AMA- Ask me Anything

Cùng các buổi workshop chia sẻ kiến thức đầu tư với các chủ đề:

- ▶ Workshop: Đầu tư hiện tại, đừng để tiền rơi
- ▶ Workshop Phân tích đầu tư: Đầu tư hiện đại: Tự do tự tại
- ▶ Workshop: Làm việc hiệu quả bằng Agile – Scrum
- ▶ Workshop “Giới thiệu về các scrum tại TCBS & ứng dụng sử dụng các công cụ Agile vào công việc”

Và 1 trong những sự kiện nổi bật tại TCBS được tổ chức thường niên là cuộc thi về công nghệ IB Hackathon. Đây là cuộc thi code lập trình nhằm tìm kiếm các ý tưởng sáng tạo, đột phá về sản phẩm cho công ty. Hackathon năm nay hướng đến 3 chủ đề chính:

- ▶ Cải thiện trải nghiệm người dùng
- ▶ Cải thiện chi phí vận hành doanh nghiệp
- ▶ Sản phẩm mới thu hút người dùng

Trong số rất nhiều ý tưởng sáng tạo về công nghệ, Giải nhất năm nay đã thuộc về nhóm với ý tưởng Universal Search:

Xuất phát từ “pain point” của khách hàng gặp khó khăn khi tìm kiếm các tính năng trên TC-Invest đang cần phải nhập chính xác tên tính năng. Thêm vào đó, với gần 1000 go-live mỗi năm thì hiện tại đang có rất nhiều sản phẩm và tính năng mà khách hàng khó để nhớ tên và chưa tiếp cận được với các sản phẩm mới, giá trị và hay ho. Để giải quyết một phần vấn đề này, team Hackathon Champion đã phát triển sản phẩm TCBS Universal Search với 3 tính năng cốt lõi:

- ▶ Semantic SEO giúp khách hàng tìm kiếm theo nhu cầu và ý nghĩa của sản phẩm,

tính năng thay vì cần gõ chính xác tên.

- ▶ Recommendation system algorithms gợi ý khách hàng những tính năng mới, theo xu hướng và phù hợp ngay khi khách hàng chưa cần phải tìm kiếm.
- ▶ Universal search tìm kiếm trên đa nền tảng TCInvest – TCBS – iWealth Club, tương lai hướng đến các trang thông tin uy tín ngoài TCBS, tìm kiếm theo ảnh, video...

Với sản phẩm tìm kiếm nâng cấp này, khách hàng sẽ dễ dàng tìm kiếm thông tin và TCBS có thêm một kênh hữu ích đưa các sản phẩm mới gần hơn đến Nhà đầu tư.

Hoạt động truyền thông, đào tạo nội bộ là “điểm chạm” giữa TCBS với cán bộ nhân viên, giúp nâng cao tinh thần gắn kết nội bộ và là yếu tố cốt lõi làm nên sức mạnh tập thể. Một tập thể mạnh là chưa hẳn đã toàn người mạnh, nhưng chắc chắn có sự gắn bó đoàn kết chặt chẽ. Và TCBS đã làm được điều đó.





Báo cáo tài chính 2022

Chương IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022



1 THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương được chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương theo Quyết định số 222/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 3 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn góp của chủ sở hữu của Công ty là 1.126.140.700.000 đồng theo giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 3 năm 2022.

Tại ngày 21 tháng 2 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.126.994.200.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D’Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, theo giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 7 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2018
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2018

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2019
Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Darren Neale Buckley	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2018
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2018
Ông Đào Kiên Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2016
Bà Phạm Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2018
Bà Bùi Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hoát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 010/2018/UQ-CT ký ngày 14 tháng 8 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- ▶ Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

Số tham chiếu: 61273532/22988078

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) được lập **ngày 23 tháng 3 năm 2023** và được trình bày từ **trang 6 đến trang 61**, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo kèm theo

▶ Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

▶ Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, rõ ràng các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023



B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.948.479.990.644	24.409.547.106.803
110	I. Tài sản tài chính		25.929.858.136.745	24.402.125.216.974
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.404.813.202.406	1.125.203.259.229
111.1	1.1. Tiền		2.404.813.202.406	1.125.203.259.229
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.1	1.000.000.000	512.166.300.000
114	3. Các khoản cho vay	7.2	9.354.605.486.589	15.852.029.688.601
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)	7.3	10.511.124.650.851	6.574.505.990.197
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(3.599.620)	-
117	6. Các khoản phải thu	9	183.085.158.587	192.572.240.815
117.2	6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		183.085.158.587	192.572.240.815
117.3	6.1.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		26.781.966.648	10.731.583.159
117.4	6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		156.303.191.939	181.840.657.656
118	7. Trả trước cho người bán	9	1.512.267.704	6.403.936.795
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	23.877.481.391	139.242.587.519
122	9. Các khoản phải thu khác	9	3.450.110.238.837	1.213.818
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(266.750.000)	-
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	18.621.853.899	7.421.889.829
131	1. Tạm ứng		11.248.150.250	1.243.539.321
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.373.703.649	6.178.350.508
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.067.748.219	137.708.014.026
220	1. Tài sản cố định		84.726.784.106	88.485.615.590

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	68.067.359.617	72.155.697.438
222	1.1. Nguyên giá	12	110.681.859.040	97.038.507.040
223a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(42.614.499.423)	(24.882.809.602)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.659.424.489	16.329.918.152
228	2.2. Nguyên giá		61.426.279.490	56.182.347.490
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(44.766.855.001)	(39.852.429.338)
250	II. Tài sản dài hạn khác		58.340.964.113	49.222.398.436
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	184.298.800	184.298.800
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.257.812.698	9.832.770.342
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	20.791.943.497	17.950.844.746
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	13.106.909.118	11.254.484.548
255	5. Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.091.547.738.863	24.547.255.120.829
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.102.289.530.963	15.302.010.632.313
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn	16	13.378.593.348.270	10.818.321.731.258
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		6.871.600.000.000	7.395.460.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		6.871.600.000.000	7.395.460.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	5.305.624.911.458	2.487.570.388.317
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	19	240.252.940.500	-
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	316.020.156.985	240.562.773.739
323	5. Phải trả người lao động		123.723.915.438	103.701.109.054
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	132.305.599.362	116.754.152.490

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
327	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	266.845.205.536	364.846.126.012
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	121.870.618.991	109.427.181.646
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		350.000.000	-
340	II. Nợ phải trả dài hạn		1.723.696.182.693	4.483.688.901.055
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	17	1.708.634.544.957	4.297.556.921.996
351	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	15.031.084.236	186.101.425.559
355	3. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		30.553.500	30.553.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.989.258.207.900	9.245.244.488.516
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.2	10.989.258.207.900	9.245.244.488.516
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.126.140.700.000	1.124.246.800.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.126.140.700.000	1.124.246.800.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(10.561.943.926)	(1.965.148.867)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	24.2	-	112.424.680.000
415	4. Quỹ dự phòng tài chính	24.2	-	112.424.680.000
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	9.873.679.451.826	7.898.113.477.383
417.1	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		9.872.987.551.840	7.890.622.613.532
417.2	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		691.899.986	7.490.863.851
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.091.547.738.863	24.547.255.120.829

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") của CTCK	25.1	843.650.040.000	681.587.460.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	25.2	-	575.812.880.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	9.799.131.256	129.406.963.575
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	25.4	146.560.432.630.000	122.538.852.643.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		84.523.895.380.000	85.121.752.405.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		139.546.850.000	198.706.260.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		60.455.199.550.000	32.218.738.350.000
021.4	- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		735.109.450.000	3.536.912.410.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		706.681.400.000	1.462.743.218.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25.5	719.450.400.000	406.579.870.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		634.486.460.000	346.151.610.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		84.963.940.000	60.428.260.000
026	Tiền gửi của khách hàng	25.6	2.330.045.069.459	4.577.097.273.878
027	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	2.278.125.882.711	4.575.045.031.535
030	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.330.045.069.459	4.577.097.273.878
027	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán		2.278.125.882.711	4.575.045.031.535

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
030	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		51.919.186.748	2.052.242.343
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.7	2.278.125.882.711	4.575.045.031.535
031.1	- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.266.780.675.185	4.514.252.935.435
031.2	- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.345.207.526	60.792.096.100
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.8	51.919.186.748	2.052.242.343



Bà **Nguyễn Hoàng Ngân**
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023



Bà **Nguyễn Thục Anh**
Kế toán trưởng



Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		901.204.582.596	1.399.881.032.874
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL)	24.1	901.204.582.596	1.399.881.032.874
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ để ngày đáo hạn (HTM)	24.2	18.529.621.544	17.604.125.057
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.2	1.502.853.415.354	941.765.692.215
04	4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.2	257.993.106.848	101.885.302.668
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		888.247.795.556	923.981.905.911
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.302.953.436.567	1.521.501.901.470
09	7. Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán		52.348.947.599	63.985.667.514
10	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		156.302.219.768	223.039.574.295
11	9. Thu nhập hoạt động khác	27	137.749.081.244	1.068.736.201
20	Cộng doanh thu hoạt động		5.218.182.207.076	5.194.713.938.205
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		198.923.624.516	88.461.673.655
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	198.913.624.516	88.461.673.655
21.3	1.2 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		10.000.000	-
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	28	3.599.620	-
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	154.528.078.451	165.820.634.025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
28	4. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	274.074.074	8.186.363.636
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	48.078.060.820	60.425.739.668
32	6. Chi phí hoạt động khác	28	588.947.224.663	287.644.359.036
40	Cộng chi phí hoạt động		990.754.662.144	610.538.770.020
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		14.002.400.000	2.000.000.000
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		10.521.194.439	10.426.987.254
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		24.523.594.439	12.426.987.254
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		1.400.000.000	11.968.693.678
52	2. Chi phí lãi vay		609.169.047.616	391.262.219.614
55	3. Chi phí tài chính khác		127.840.968.697	10.327.372.737
60	Cộng chi phí tài chính	30	738.410.016.313	413.558.286.029
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	480.433.213.874	372.754.151.464
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		3.033.107.909.184	3.810.289.717.946
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		24.989.326.844	62.189.323
72	2. Chi phí khác		440.148.388	465.917.452
80	Cộng kết quả hoạt động khác		24.549.178.456	(403.728.129)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		3.057.657.087.640	3.809.885.989.817
91	Lợi nhuận đã thực hiện		3.057.657.087.640	3.819.854.683.495
92	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện		-	(9.968.693.678)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		630.992.995.757	743.755.403.774
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	631.684.895.743	761.214.961.303
100.2	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	(691.899.986)	(17.459.557.529)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.426.664.091.883	3.066.130.586.043
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	34	(8.596.795.059)	(117.120.573)
400	Tổng thu nhập toàn diện khác		(8.596.795.059)	(117.120.573)
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		2.426.164.091.883	3.066.130.586.043
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	35	21.548	27.273







Bà **Nguyễn Hoàng Ngân**
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

Bà **Nguyễn Thục Anh**
Kế toán trưởng

Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		3.057.657.087.640	3.809.885.989.817
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		475.782.320.781	233.804.379.773
03	Khấu hao tài sản cố định	11,12	22.646.115.484	14.414.124.914
04	Các khoản trích lập dự phòng	28	270.349.620	-
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	
06	Chi phí lãi vay	30	609.169.047.616	391.262.218.837
08	Dự thu tiền lãi	9	(156.303.191.939)	(181.840.657.656)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.533.439.408.421	4.043.690.369.590
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		511.166.300.000	(307.066.300.000)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		6.497.424.202.012	(11.469.392.523.578)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(3.947.364.654.478)	(4.221.618.922.008)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		165.790.274.167	50.428.801.967
37	Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		115.365.106.128	(61.484.001.387)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		(3.450.109.025.019)	23.411.937
40	Tăng các tài sản khác		(6.965.366.408)	(17.915.105.444)
42	Tăng chi phí trả trước		(5.620.395.497)	(4.215.476.212)
43	Thuế TNDN đã nộp	32.1	(539.650.865.594)	(786.955.065.852)
44	Lãi vay đã trả		(551.285.122.912)	(301.946.646.165)
45	Tăng các phải trả cho người bán		240.252.940.500	-
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(150.000.000)	-
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(16.576.646.903)	52.197.045.506
48	Tăng phải trả người lao động		20.022.806.384	1.981.627.249

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		2.519.094.220.855	2.544.677.723.481
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		524.989.326.844	13.544.809.500.000
52	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(524.989.326.844)	(13.544.800.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		5.084.833.181.656	(10.477.585.560.916)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác		(18.887.284.000)	(55.925.546.100)
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(18.887.284.000)	(55.925.546.100)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.893.900.000	-
73	Tiền vay gốc		16.481.400.000.000	32.331.186.880.181
73.2	- Tiền vay khác		16.481.400.000.000	32.331.186.880.181
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(19.594.182.377.039)	(22.281.498.539.966)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(19.594.182.377.039)	(22.281.498.539.966)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(675.447.477.440)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính		(3.786.335.954.479)	10.049.688.340.215
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		1.279.609.943.177	(483.822.766.801)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	1.125.203.259.229	1.609.026.026.030
101.1	Tiền		1.125.203.259.229	1.609.026.026.030
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	2.404.813.202.406	1.125.203.259.229
103.1	Tiền		2.404.813.202.406	1.125.203.259.229

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		276.521.066.989.343	304.787.785.465.434
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(284.951.627.339.958)	(330.126.899.895.584)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		305.615.543.755.483	355.382.515.561.853
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(299.426.675.811.568)	(327.627.865.135.572)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(57.278.984.467)	(58.511.291.625)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		84.249.052.539.715	51.194.963.808.502
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(84.197.133.352.967)	(51.193.279.094.559)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(2.247.052.204.419)	2.358.709.418.449
30	II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG	25.6	4.577.097.273.878	2.218.387.855.429
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.577.097.273.878	2.218.387.855.429
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.575.045.031.535	2.218.020.327.029
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.052.242.343	367.528.400
40	III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20 + 30)	25.6	2.330.045.069.459	4.577.097.273.878
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.330.045.069.459	4.577.097.273.878
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.278.125.882.711	4.575.045.031.535
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		51.919.186.748	2.052.242.343



Bà **Nguyễn Hoàng Ngân**
Người lập



Bà **Nguyễn Thục Anh**
Kế toán trưởng



Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-CTCK

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG GIẢM				SỐ DƯ CUỐI NĂM	
			Ngày 01/01/2021	Ngày 01/01/2022	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2022
					TĂNG	GIẢM	TĂNG	GIẢM		
					VND	VND	VND	VND		
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.2	1.124.246.800.000	-	-	-	1.893.900.000	-	1.124.246.800.000	1.126.140.700.000
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	24.2	112.424.680.000	-	-	-	-	(112.424.680.000)	112.424.680.000	-
3	Quỹ dự phòng tài chính	24.2	112.424.680.000	-	-	-	-	(112.424.680.000)	112.424.680.000	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	24.2	(1.848.028.294)	-	-	(117.120.573)	-	(8.596.795.059)	(1.965.148.867)	(10.561.943.926)
5	Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	4.831.982.891.340	7.898.113.477.383	3.066.130.586.043	-	2.659.004.315.734	(683.438.341.291)	7.898.113.477.383	9.873.679.451.826
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện		4.831.982.891.340	7.890.622.613.532	3.058.639.722.192	-	2.658.312.415.748	(675.947.477.440)	7.890.622.613.532	9.872.987.551.840
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		-	7.490.863.851	7.490.863.851	-	691.899.986	(7.490.863.851)	7.490.863.851	691.899.986
TỔNG CỘNG			6.179.231.023.046	9.245.244.488.516	3.066.130.586.043	(117.120.573)	2.660.898.215.734	(916.884.496.350)	9.245.244.488.516	10.989.258.207.900
II	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1	Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	33	(1.848.028.294)	(1.965.148.867)	-	(117.120.573)	-	(8.596.795.059)	(1.965.148.867)	(10.561.943.926)
TỔNG CỘNG			(1.848.028.294)	(1.965.148.867)	-	(117.120.573)	-	(8.596.795.059)	(1.965.148.867)	(10.561.943.926)


Bà **Nguyễn Hoàng Ngân**
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023


Bà **Nguyễn Thục Anh**
Kế toán trưởng


Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương được chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương theo Quyết định số 222/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 3 năm 2018, và kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D’Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 501 người (31 tháng 12 năm 2021: 459 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.126.140.700.000 VND, vốn chủ sở hữu là: 10.989.258.207.900 VND, tổng tài sản là: 26.091.547.738.863 VND.

Tại ngày 21 tháng 2 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.126.994.200.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 18/GPĐC-UB-CK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với sứ mệnh trở thành đối tác tin cậy tư vấn tài chính chiến lược cho khách hàng doanh nghiệp và kiến tạo trải nghiệm đầu tư tích lũy chuyên biệt cho gia đình Việt.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép

thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoại trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 về việc bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC, theo đó:

- Bãi bỏ quy định về việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48;
- Hướng dẫn xử lý số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro

ng nghiệp vụ như trình bày tại Thuyết minh số 4.24.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 24")

Ngày 7 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 24 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư 24 sửa đổi và bổ sung Điểm (a), Khoản 1 Điều 5, đối với việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư. Theo đó, Thông tư 24 không quy định trích lập dự phòng đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài

chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập theo quy định tại Thông tư 48 đối với các khoản phải thu khó đòi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng

để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày lập báo cáo tài chính hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị

ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản

tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phần mềm	3 - 6 năm

4.14 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.16 Các hợp đồng mua bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Lợi ích của nhân viên

4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

4.22 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.24 Vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hằng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính năm 2022 để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4.25 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.26 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 210, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 210 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	2.404.813.202.406	1.125.203.259.229
Tổng cộng	2.404.813.202.406	1.125.203.259.229

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty	3.190.046.604	331.001.886.224.932
- Cổ phiếu	113.524.531	1.922.566.082.710
- Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	169.491.886	17.157.921.912.309
- Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	2.755.337.747	286.626.409.339.563
- Trái phiếu Chính phủ	145.000.000	15.193.278.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	6.692.440	10.101.710.890.350
Của Nhà đầu tư	27.798.235.346	1.008.586.815.846.740
- Cổ phiếu	22.260.063.126	509.127.050.501.040
- Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	561.042.020	6.421.575.450.060
- Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.107.287.418	441.782.923.200.000
- Chứng chỉ quỹ	41.866.582	807.365.893.640
- Chứng quyền đảm bảo	827.976.200	447.900.802.000
Tổng cộng	30.988.281.950	1.339.588.702.071.672

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Các khoản đầu tư HTM

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	512.166.300.000	512.166.300.000

7.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (3) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	8.362.096.733.669	8.362.093.134.049	14.678.714.319.918	14.678.714.319.918
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	992.508.752.920	992.508.752.920	1.173.315.368.683	1.173.315.368.683
Tổng cộng	9.354.605.486.589	9.354.601.886.969	15.852.029.688.601	15.852.029.688.601

(1) Chứng khoán của Nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay của Nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 8.101.999.430.000 VND (giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ là 17.535.447.810.020 VND).

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi

7.3 Tài sản tài chính AFS

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	13.043.691	14.539.420	581.484.942	683.113.089
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.080.002.558.661	1.080.002.558.661	650.446.420.848	650.446.420.848
MIK	630.000.000.000	630.000.000.000	410.443.862.187	410.443.862.187
Prodezi	450.000.000.000	450.000.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000
Cổ phiếu khác	2.558.661	2.558.661	2.558.661	2.558.661
Trái phiếu niêm yết	861.497.114.022	848.018.732.983	1.422.560.366.124	1.419.163.098.307
Công ty Cổ phần Masan				
Meatlife	348.217.956.425	346.545.515.699	-	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	207.576.381.263	205.047.263.767	-	-
Công ty Cổ phần Vinhomes	130.389.064.701	125.306.502.515	686.171.348.154	685.335.842.270
Trái phiếu Chính phủ	-	-	257.404.000.000	257.044.197.260
Trái phiếu khác	175.313.711.633	171.119.451.002	478.985.017.970	476.783.058.777
Trái phiếu chưa niêm yết	6.349.508.499.543	6.349.508.499.543	4.497.863.154.367	4.497.863.154.367
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn	3.167.255.939.841	3.167.255.939.841	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	1.216.551.184.112	1.216.551.184.112	930.242.729.890	930.242.729.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Golden Hill	676.191.970.414	676.191.970.414	409.134.332.238	409.134.332.238
Trái phiếu chưa niêm yết khác	1.289.509.405.176	1.289.509.405.176	3.158.486.092.239	3.158.486.092.239
Chứng chỉ tiền gửi	2.227.794.864.842	2.227.794.864.842	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Quân Đội	1.013.732.400.592	1.013.732.400.592	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	652.767.512.850	652.767.512.850	-	-
Chứng chỉ tiền gửi khác	561.294.951.400	561.294.951.400	-	-
Các tài sản tài chính AFS khác	5.511.000.000	5.785.455.402	5.511.000.000	6.350.203.586
Quý đầu tư trái phiếu linh hoạt Techcom (TCFF)	5.511.000.000	5.785.455.402	5.511.000.000	6.350.203.586
Tổng cộng	10.524.327.080.759	10.511.124.650.851	6.576.962.426.281	6.574.505.990.197

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại
	Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		Giá mua/Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
AFS	10.524.327.080.759	278.958.093	(13.481.388.001)	10.511.124.650.851	6.576.962.426.281	2.389.087.609	(4.845.523.693)	6.574.505.990.197
Cổ phiếu niêm yết	13.043.691	4.502.691	(3.006.962)	14.539.420	581.484.942	112.614.824	(10.986.677)	683.113.089
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.080.002.558.661	-	-	1.080.002.558.661	650.446.420.848	-	-	650.446.420.848
Trái phiếu niêm yết	861.497.114.022	-	(13.478.381.039)	848.018.732.983	1.422.560.366.124	1.437.269.199	(4.834.537.016)	1.419.163.098.307
Trái phiếu chưa niêm yết	6.349.508.499.543	-	-	6.349.508.499.543	4.497.863.154.367	-	-	4.497.863.154.367
Chứng chỉ tiền gửi	2.227.794.864.842	-	-	2.227.794.864.842	-	-	-	-
Các tài sản tài chính								
AFS khác	5.511.000.000	274.455.402	-	5.785.455.402	5.511.000.000	839.203.586	-	6.350.203.586
Tổng cộng	10.524.327.080.759	278.958.093	(13.481.388.001)	10.511.124.650.851	6.576.962.426.281	2.389.087.609	(4.845.523.693)	6.574.505.990.197

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	3.599.620	-
Tổng cộng	3.599.620	-

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	183.085.158.587	192.572.240.815
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	26.781.966.648	10.731.583.159
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	156.303.191.939	181.840.657.656
- Dự thu lãi tiền gửi	7.741.556.160	8.812.766.981
- Dự thu lãi trái phiếu	36.781.091.836	24.733.052.805
- Lãi từ hoạt động cho vay (Thuyết minh số 25.10)	111.780.543.943	148.294.837.870
Trả trước cho người bán	1.512.267.704	6.403.936.795
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	23.877.481.391	139.242.587.519
Phải thu dịch vụ môi giới chứng khoán	8.207.038.727	19.457.720.241
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	10.831.329.181	8.909.827.798
Phải thu phí bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	2.945.500.000	107.100.440.000
Phải thu hoạt động nhận ủy thác	94.590.242	705.599.480
Phải thu phí dịch vụ tư vấn	1.628.000.000	3.069.000.000
Phải thu dịch vụ khác	171.023.241	-
Các khoản phải thu khác	3.450.110.238.837	1.213.818
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán (*)	3.449.676.781.730	-
Phải thu khác	433.457.107	1.213.818
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(266.750.000)	-
Tổng cộng	3.658.318.396.519	338.219.978.947

(*) Đây là các khoản phải thu khách hàng từ hoạt động bán trái phiếu trả chậm của Công ty. Thời hạn thanh toán các khoản phải thu này là từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 4 năm 2023.

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2022 VND	Số dự phòng tại 31/12/2021 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng tại 31/12/2022 VND	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2021 VND
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp khó đòi						
- Công ty TNHH Vĩnh Ngôi Sao	110.000.000	-	77.000.000	-	77.000.000	110.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	110.000.000	-	33.000.000	-	33.000.000	-
- Đối tượng khác	346.500.000	-	156.750.000	-	156.750.000	110.000.000
Tổng cộng	566.500.000	-	266.750.000	-	266.750.000	220.000.000

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	11.248.150.250	1.243.539.321
- Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	11.134.750.250	-
- Tạm ứng khác	113.400.000	1.243.539.321
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.373.703.649	6.178.350.508
- Tiền thuê văn phòng	-	721.494.000
- Chi phí trả trước dịch vụ	7.373.703.649	5.456.856.508
Tổng cộng	18.621.853.899	7.421.889.829

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	97.038.507.040
Tăng trong năm	13.643.352.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	110.681.859.040
Khấu hao lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	24.882.809.602
Tăng trong năm	17.731.689.821
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	42.614.499.423
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	72.155.697.438
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	68.067.359.617

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.809.750.687	2.822.789.388

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	56.182.347.490
Tăng trong năm	5.243.932.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	61.426.279.490
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	39.852.429.338
Tăng trong năm	4.914.425.663
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	44.766.855.001
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	16.329.918.152
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	16.659.424.489

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá tài sản cố định đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	32.702.850.709	21.135.622.007

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	5.950.472.845	6.129.915.798
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.307.339.853	3.702.854.544
Tổng cộng	14.257.812.698	9.832.770.342

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm tài sản tài chính AFS	2.640.485.982	491.287.217
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch tạm thời được khấu trừ	18.151.457.515	17.459.557.529
Tổng cộng	20.791.943.497	17.950.844.746

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hằng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới. Chi tiết tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.542.028.752	9.689.604.182
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.444.880.366	1.444.880.366
Tổng cộng	13.106.909.118	11.254.484.548

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	5,3% - 12,25%	7.395.460.000.000	16.481.400.000.000	17.005.260.000.000	6.871.600.000.000
- Vay hợp vốn (Ngân hàng Quốc tế Taishin đại diện) (1)		-	6.871.600.000.000	-	6.871.600.000.000
- Tập đoàn Ngân hàng Sumitomo Mitsui, chi nhánh Singapore		1.893.220.000.000	-	1.893.220.000.000	-
- Ngân hàng CTBC		685.890.000.000	-	685.890.000.000	-
- Ngân hàng HSBC		458.800.000.000	2.113.100.000.000	2.571.900.000.000	-
- Ngân hàng Cathay United Bank		229.400.000.000	1.400.000.000	230.800.000.000	-
- Ngân hàng ShinKong		114.150.000.000	-	114.150.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		1.350.000.000.000	1.550.000.000.000	2.900.000.000.000	-
- Ngân hàng TNHH Indovina		400.000.000.000	1.600.000.000.000	2.000.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		750.000.000.000	1.040.000.000.000	1.790.000.000.000	-
- Ngân hàng CTBC - chi nhánh Hồ Chí Minh		114.000.000.000	455.000.000.000	569.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong		500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon		-	457.300.000.000	457.300.000.000	-
- Các ngân hàng khác		900.000.000.000	2.393.000.000.000	3.293.000.000.000	-
Tổng cộng		7.395.460.000.000	16.481.400.000.000	17.005.260.000.000	6.871.600.000.000

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các khoản vay hợp vốn tín chấp tại các ngân hàng nước ngoài có tổng giá trị nguyên tệ là 295.000.000 USD. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất bởi hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các ngân hàng thương mại khác cho các khoản vay nói trên.

17. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)		
TCSCH2124011	453.378.763.881	500.221.684.016
TCSCH2123005	300.982.829.106	302.952.434.382
TCSCH2126003	279.858.707.603	280.551.525.840
TCSCH2124006	179.297.177.882	500.257.815.548
TCSCH2124009	174.787.950.025	500.050.820.979
TCSCH2126002	171.990.440.983	472.095.204.207
TCSCH2124012	112.367.862.143	500.091.257.813
TCSCH2124015	13.716.507.918	-
TCSCH2123014	-	436.283.252.983
TCSCH2123007	-	200.000.000.000
TCSCH2123001	-	155.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn khác	22.254.305.416	450.052.926.228
Tổng cộng	1.708.634.544.957	4.297.556.921.996

(*) Trái phiếu phát hành dài hạn gồm các trái phiếu thường được phát hành thành nhiều đợt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 010804/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 8 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 011506/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 15 tháng 6 năm 2021 với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Đây là các trái phiếu không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn 2 - 5 năm và có lãi suất trái phiếu cố định kỳ đầu, trả lãi sau vào ngày tròn 6 tháng hoặc 12 tháng kể từ ngày phát hành và ngày đáo hạn, gốc được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các khoản tiền của Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý (*)	5.284.485.167.173	2.362.663.075.403
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	7.516.270.435	121.382.631.216
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	13.623.473.850	3.524.681.698
Tổng cộng	5.305.624.911.458	2.487.570.388.317

(*) Đây là các khoản phải trả Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo chương trình Kết vãng sinh lợi của Công ty.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bình An House	219.327.430.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Atlantic Investment	20.819.729.000	-
Đối tượng khác	105.781.500	-
Tổng cộng	240.252.940.500	-

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	165.862.563	5.977.612.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	239.041.585.743	147.007.555.594
Thuế thu nhập cá nhân	73.921.626.918	87.328.131.349
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	2.891.081.761	249.474.630
Tổng cộng	316.020.156.985	240.562.773.739

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế giá trị gia tăng	5.977.612.166	17.536.655.050	23.348.404.653	165.862.563
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	(Thuyết minh số 32.1)	147.007.555.594	631.684.895.743	539.650.865.594	239.041.585.743
3	Các loại thuế khác	87.577.605.979	877.645.167.286	888.410.064.586	76.812.708.679
	Thuế thu nhập cá nhân	9.439.048.165	65.213.203.928	65.695.456.926	8.956.795.167
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	77.889.083.184	795.175.966.078	808.100.217.511	64.964.831.751
	Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	Thuế nhà thầu	249.474.630	17.252.997.280	14.611.390.149	2.891.081.761
	Tổng cộng	240.562.773.739	1.526.866.718.079	1.451.409.334.833	316.020.156.985

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi trái phiếu	45.484.640.987	95.183.031.899
Chi phí lãi vay phải trả	49.993.773.329	11.299.432.954
Chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro	-	1.893.470.450
Chi phí phải trả khách hàng cho hoạt động giao dịch chứng khoán	36.827.185.046	8.378.217.187
Tổng cộng	132.305.599.362	116.754.152.490

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	266.845.205.536	364.846.126.012
Phí dịch vụ đại lý đăng ký và lưu ký	200.524.008.931	249.824.456.463
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	37.717.892.689	63.279.728.904
Phí dịch vụ chứng khoán	25.974.767.438	51.636.940.645
Phí khác	2.628.536.478	105.000.000
Dài hạn	15.031.084.236	186.101.425.559
Phí dịch vụ đại lý đăng ký và lưu ký	10.944.073.420	123.218.630.182
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	2.140.304.875	26.861.219.429
Phí khác	1.946.705.941	36.021.575.948
Tổng cộng	281.876.289.772	550.947.551.571

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khách hàng về chương trình tích lũy điểm và đổi điểm giao dịch chứng khoán	112.471.141.160	87.297.787.647
Kinh phí công đoàn	471.012.040	90.840.910
Các khoản bảo hiểm	14.105.895	1.054.276.724
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.914.359.896	20.984.276.365
Tổng cộng	121.870.618.991	109.427.181.646

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	9.872.987.551.840	7.890.622.613.532
Lợi nhuận chưa thực hiện	691.899.986	7.490.863.851
Tổng cộng	9.873.679.451.826	7.898.113.477.383

24.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	1.124.246.800.000	(1.965.148.867)	112.424.680.000	112.424.680.000	7.898.113.477.383	9.245.244.488.516
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.426.664.091.883	2.426.664.091.883
Tăng vốn chủ sở hữu do chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên thông qua tại Nghị quyết số 011510/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 15/10/2021 và Nghị quyết số 010712/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 7/12/2021	1.893.900.000	-	-	-	-	1.893.900.000
Trả cổ tức trong năm theo Quyết định số 020501/22/QĐ-CTHĐQT-TCBS ngày 5/1/2022	-	-	-	-	(675.447.477.440)	(675.447.477.440)
Kết chuyển Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC	-	-	(112.424.680.000)	(112.424.680.000)	224.849.360.000	-
Trích lập Quỹ nhân ái theo Báo cáo số 012206/2022/BC	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	(8.596.795.059)	-	-	-	(8.596.795.059)
Số cuối năm	1.126.140.700.000	(10.561.943.926)	-	-	9.873.679.451.826	10.989.258.207.900

24.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm nay VND	Năm trước VND (Trình bày lại)
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	7.890.622.613.532	4.831.982.891.340
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện phát sinh trong năm	2.658.312.415.748	3.058.639.722.192
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho chủ sở hữu tính đến cuối năm (4) = (1+2+3)	10.548.935.029.280	7.890.622.613.532
5. Số trích quỹ từ lợi nhuận	(500.000.000)	-
- Trích quỹ nhân ái, quỹ phúc lợi và khen thưởng	(500.000.000)	-
6. Số lãi phân phối cho cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm	(675.447.477.440)	-
- Trả cổ tức bằng tiền	(675.447.477.440)	-
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	9.872.987.551.840	7.890.622.613.532

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	843.650.040.000	681.587.460.000
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Loại > hơn 1 năm	843.650.040.000	681.587.460.000

25.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	-	575.812.880.000

25.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu	9.799.131.256	129.406.963.575

25.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	84.523.895.380.000	85.121.752.405.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	139.546.850.000	198.706.260.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	60.455.199.550.000	32.218.738.350.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	735.109.450.000	3.536.912.410.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	706.681.400.000	1.462.743.218.000
Tổng cộng	146.560.432.630.000	122.538.852.643.000

25.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	634.486.460.000	346.151.610.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	84.963.940.000	60.428.260.000
Tổng cộng	719.450.400.000	406.579.870.000

25.6 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.278.125.882.711	4.575.045.031.535
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.266.780.675.185	4.514.252.935.435
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.345.207.526	60.792.096.100
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	51.919.186.748	2.052.242.343
Tổng cộng	2.330.045.069.459	4.577.097.273.878

25.7 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.278.125.882.711	4.575.045.031.535
- Của Nhà đầu tư trong nước	2.266.780.675.185	4.514.252.935.435
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	11.345.207.526	60.792.096.100
Tổng cộng	2.278.125.882.711	4.575.045.031.535

25.8 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức, trái tức cho Nhà đầu tư	51.919.186.748	2.052.242.343

25.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	8.207.038.727	19.457.720.241
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	10.831.329.181	8.909.827.798
Phải trả phí bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	2.945.500.000	107.100.440.000
Phải trả hoạt động nhận ủy thác	94.590.242	705.599.480
Phải trả phí dịch vụ tư vấn	1.628.000.000	3.069.000.000
Phải trả phí dịch vụ khác	171.023.241	-
Tổng cộng	23.877.481.391	139.242.587.519

25.10 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nghiệp vụ margin	8.473.877.277.612	14.827.009.157.788
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.2)	8.362.096.733.669	14.678.714.319.918
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	8.362.096.733.669	14.678.714.319.918
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả lãi margin (Thuyết minh số 9)	111.780.543.943	148.294.837.870
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	111.780.543.943	148.294.837.870
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	992.508.752.920	1.173.315.368.683
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.2)	992.508.752.920	1.173.315.368.683
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	992.508.752.920	1.173.315.368.683
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tổng cộng	9.466.386.030.532	16.000.324.526.471

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyển tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	1.098.246		39.359.887.520	36.223.073.889	3.136.813.631	7.788.412.427
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	47.723.427		494.987.384.844	410.443.862.187	84.543.522.657	16.958.452.685
3	Trái phiếu niêm yết	106.594.230		10.976.998.840.045	10.909.947.540.875	67.051.299.170	59.382.249.988
	Trái phiếu Chính phủ	36.500.000	105.706	3.858.265.300.000	3.857.493.866.667	771.433.333	6.549.231.667
	Trái phiếu niêm yết khác	70.094.230		7.118.733.540.045	7.052.453.674.208	66.279.865.837	52.833.018.321
4	Chứng chỉ tiền gửi	2.315.580		3.116.525.289.178	3.107.216.898.790	9.308.390.388	1.848.992.799
5	Trái phiếu chưa niêm yết	1.095.213.324		113.921.098.947.730	113.183.934.390.980	737.164.556.750	1.313.902.924.975
	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	191.672.189	105.138	20.151.940.440.883	19.935.251.870.498	216.688.570.385	22.620.719.255
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn	110.898.104	101.443	11.249.781.196.791	11.169.226.384.292	80.554.812.499	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Quang Thuận	55.386.937	102.479	5.675.977.897.305	5.605.828.771.597	70.149.125.708	72.301.844.521
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	737.256.094		76.843.399.412.751	76.473.627.364.593	369.772.048.158	1.218.980.361.199
	Tổng lãi bán	1.252.944.807		128.548.970.349.317	127.647.765.766.721	901.204.582.596	1.399.881.032.874
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	276.029		8.406.371.860	9.166.780.748	(760.408.888)	(512.371.120)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	53.418.950		5.498.810.773.862	5.542.913.400.303	(44.102.626.441)	(17.294.769.175)
	Trái phiếu Chính phủ	37.000.000	104.511	3.866.909.000.000	3.868.013.833.333	(1.104.833.333)	(9.994.061.667)
	Trái phiếu niêm yết khác	16.418.950		1.631.901.773.862	1.674.899.566.970	(42.997.793.108)	(7.300.707.508)
4	Chứng chỉ tiền gửi	260.000		264.627.430.000	269.952.860.000	(5.325.430.000)	(37.038.050)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	240.670.489		24.287.929.443.835	24.436.654.603.022	(148.725.159.187)	(70.617.495.310)
	Tổng lỗ bán	294.625.468		30.059.774.019.557	30.258.687.644.073	(198.913.624.516)	(88.461.673.655)
	Tổng cộng	1.547.570.275		158.608.744.368.874	157.906.453.410.794	702.290.958.080	1.311.419.359.219

26.2 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu và các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro

Từ tài sản tài chính HTM	18.529.621.544	17.604.125.057
- Lãi hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	18.529.621.544	17.604.125.057
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.502.853.415.354	941.765.692.215
Từ tài sản tài chính AFS	257.993.106.848	101.885.302.668
- Cổ tức	15.393.289	19.506.704
- Lãi trái phiếu	250.263.253.287	101.817.866.659
- Lãi chứng chỉ tiền gửi	7.714.460.272	47.929.305
Tổng cộng	1.779.376.143.746	1.061.255.119.940

27. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư cá nhân	2.240.224.941	1.068.736.201
Thu nhập hoạt động khác	135.508.856.303	-
Tổng cộng	137.749.081.244	1.068.736.201

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	154.528.078.451	165.820.634.025
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	274.074.074	8.186.363.636
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	48.078.060.820	60.425.739.668
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi	3.599.620	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	3.599.620	-
Chi phí hoạt động khác (*)	588.947.224.663	287.644.359.036
Trong đó:		
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (Thuyết minh số 9)	266.750.000	-
Tổng cộng	791.831.037.628	522.077.096.365

(*) Đây là chi phí cho các chương trình của Công ty, bao gồm: chương trình Kết vàng sinh lợi, chương trình tích lũy điểm và đổi điểm giao dịch chứng khoán, chương trình đối tác phát triển kinh doanh, chương trình nền tảng đầu tư cộng đồng và các chi phí khác.

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.002.400.000	2.000.000.000
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	2.000.000.000
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	14.002.400.000	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.521.194.439	10.426.987.254
Tổng cộng	24.523.594.439	12.426.987.254

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.400.000.000	11.968.693.678
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	11.968.693.678
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.400.000.000	-
Chi phí lãi vay	609.169.047.616	391.262.219.614
- Chi phí lãi trái phiếu	273.816.742.673	157.560.316.210
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	335.352.304.943	233.701.903.404
Chi phí tài chính khác	127.840.968.697	10.327.372.737
- Chi phí thu xếp cho các khoản vay hợp vốn	55.209.600.000	-
- Chi phí tư vấn luật	2.051.648.754	-
- Chi phí phòng ngừa rủi ro cho các khoản vay ngoại tệ	69.025.340.935	10.327.372.737
- Chi phí tài chính khác	1.554.379.008	-
Tổng cộng	738.410.016.313	413.558.286.029

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	337.424.049.268	257.070.542.942
- Lương và các khoản phúc lợi	328.144.740.022	249.780.298.967
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	9.279.309.246	7.290.243.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.646.115.484	14.414.124.914
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.955.215.491	5.876.781.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.395.736.269	88.472.796.673
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	4.476.888.553	3.178.179.487
Chi phí khác	4.535.208.809	3.741.725.972
Tổng cộng	480.433.213.874	372.754.151.464

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

32.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.057.657.087.640	3.809.885.989.817
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được trừ	19.749.930.919	907.544.030
- Khoản chênh lệch tạm thời không khấu trừ thuế trong năm	3.459.499.929	-
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	94.434.284.515	87.297.787.647
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(15.393.289)	(19.506.704)
- Thu nhập đã quyết toán năm trước	(18.520.065.328)	(95.792.253.521)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	3.156.765.344.386	3.802.279.561.269
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	631.353.068.877	760.455.912.253
Điều chỉnh giảm thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm trước	331.826.866	759.049.050
Chi phí thuế TNDN hiện hành	631.684.895.743	761.214.961.303
Thuế TNDN phải trả đầu năm	147.007.555.594	172.747.660.143
Thuế TNDN đã trả trong năm	(539.650.865.594)	(786.955.065.852)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	239.041.585.743	147.007.555.594

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số đầu năm	17.950.844.746	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân đánh giá giảm tài sản tài chính AFS	2.149.198.765	491.287.217
Thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ thuế	691.899.986	17.459.557.529
Số cuối năm	20.791.943.497	17.950.844.746

33. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh VND	Số cuối năm VND
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	(1.965.148.867)	-	(8.596.795.059)	(10.561.943.926)
Tổng cộng	(1.965.148.867)	-	(8.596.795.059)	(10.561.943.926)

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	(8.596.795.059)	(117.120.573)
Tổng cộng	(8.596.795.059)	(117.120.573)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được tính vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	2.426.664.091.883	3.066.130.586.043
Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (VND)	500.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.426.164.091.883	3.066.130.586.043
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	112.593.315	112.424.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	21.548	27.273

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Doanh thu lãi tiền gửi Doanh thu hoạt động chứng khoán Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính Phí quản lý cổ đông Chi phí thuê văn phòng Cổ tức Chi phí tài chính khác	4.798.513.541 3.465.051.728 12.000.000.000 2.000.000.000 24.064.452.993 675.447.477.440 66.765.747.573	2.180.222.138 722.602.744 5.000.000.000 2.000.000.000 26.607.624.645 - 10.327.372.737
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Công ty con của Ngân hàng mẹ	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	132.267.553.367 12.859.897	174.179.465.961 1.532.771

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)			
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán Phải thu hoạt động tư vấn tài chính Phải thu hoạt động chứng khoán Phải thu phí quản lý cổ đông Phải trả cổ tức Phải trả khác	5.147.430.026.543 - - 2.000.000.000 - (1.893.470.450)	648.961.706.325.748 13.200.000.000 3.465.051.728 2.000.000.000 (675.447.477.440) (25.139.518.264)	(651.886.859.753.967) (13.200.000.000) (3.465.051.728) (4.000.000.000) 675.447.477.440 21.702.065.357	2.222.276.598.324 - - - - (5.330.923.357)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán Phải thu phí lưu ký	13.474.131.325 -	132.267.553.367 12.859.897	(138.492.396.767) (12.859.897)	7.249.287.925 -

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị và tiền lương Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND (Trình bày lại)
Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị	9.665.818.823	9.655.528.425
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc	23.724.591.419	19.256.045.642

36.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	-	2.429.418.737
Tổng cộng	-	2.429.418.737

36.3 Cam kết với hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro tiền tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với các ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản vay gốc ngoại tệ của Công ty có tổng giá trị là 295.000.000 USD (tương ứng 6.871.600.000.000 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VND có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản

phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên một bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 7.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng. Bên cạnh đó, Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ đối với các chứng khoán uy tín, thỏa mãn các điều kiện về khẩu vị rủi ro (rủi ro về tín dụng, rủi ro về thị trường, rủi ro về thanh khoản) của Công ty và đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ các tổ chức phát hành có xếp hạng tín nhiệm tốt. Việc đo lường và giám sát rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này được lượng hóa và báo cáo thường xuyên liên tục tới Ban Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị của Công ty.

	Tổng cộng VND	Đã quá hạn và đã bị suy giảm VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				Đến 90 ngày VND	Từ 91 - 180 ngày VND	Từ 181 - 360 ngày VND	Trên 360 ngày VND
Số cuối năm	24.848.599.120.580	578.182.590	24.843.447.572.531	1.993.149.086	1.148.716.373	1.426.500.000	5.000.000
Tiền gửi ngân hàng	2.404.813.202.406	-	2.404.813.202.406	-	-	-	-
Các khoản đầu tư HTM	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	-	-
Các khoản cho vay	9.354.605.486.589	10.451.387	9.354.079.029.607	514.873.343	1.132.252	-	-
Tài sản tài chính AFS	9.431.107.552.770	-	9.431.107.552.770	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	3.657.072.878.815	567.731.203	3.652.447.787.748	1.478.275.743	1.147.584.121	1.426.500.000	5.000.000
Số đầu năm	23.552.018.291.609	-	23.552.018.291.609	-	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng	1.125.203.259.229	-	1.125.203.259.229	-	-	-	-
Các khoản đầu tư HTM	512.166.300.000	-	512.166.300.000	-	-	-	-
Các khoản cho vay	15.852.029.688.601	-	15.852.029.688.601	-	-	-	-
Tài sản tài chính AFS	5.923.376.456.260	-	5.923.376.456.260	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	139.242.587.519	-	139.242.587.519	-	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.404.813.202.406	-	-	-	2.404.813.202.406
Các khoản đầu tư HTM	-	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Các khoản cho vay	526.456.982	-	9.354.079.029.607	-	-	9.354.605.486.589
Tài sản tài chính AFS	-	875.802.553.483	2.520.319.831.542	7.115.002.265.826	-	10.511.124.650.851
Phải thu khác	4.625.091.067	-	3.652.447.787.748	-	-	3.657.072.878.815
Tài sản cố định	-	-	-	84.726.784.106	-	84.726.784.106
Các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	184.298.800	-	-	-	184.298.800
Tài sản khác	-	13.106.909.118	11.248.150.250	-	-	24.355.059.368
Tổng cộng	5.151.548.049	3.293.906.963.807	15.539.094.799.147	7.199.729.049.932	-	26.037.882.360.935
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	6.871.600.000.000	-	-	6.871.600.000.000
Trái phiếu phát hành	-	-	321.184.009.406	1.387.450.535.551	-	1.708.634.544.957
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	5.305.624.911.458	-	-	5.305.624.911.458
Chi phí phải trả	-	-	132.305.599.362	-	-	132.305.599.362
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	316.020.156.985	-	-	316.020.156.985
Phải trả, phải nộp khác	-	245.594.534.429	-	-	-	245.594.534.429
Tổng cộng	-	245.594.534.429	12.946.734.677.211	1.387.450.535.551	-	14.579.779.747.191
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	5.151.548.049	3.048.312.429.378	2.592.360.121.936	5.812.278.514.381	-	11.458.102.613.744

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính ngoài sự kiện trên.



Bà **Nguyễn Hoàng Ngân**
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2023



Bà **Nguyễn Thục Anh**
Kế toán trưởng



Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc



2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT

TECHCOMSECURITIES

BeSpoke



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022**

TECHCOMSECURITIES



BeSpoke

